

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

Số: 56/2021/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nam Định, ngày 02 tháng 12 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Nam Định

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025;

Xét Tờ trình số 142/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành định mức, nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách nhà

nước tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quan điểm, mục tiêu, định hướng phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Định hướng phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 bám sát các quan điểm, mục tiêu đột phá và phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp đã được thông qua tại Nghị quyết số 02-NQ/ĐH ngày 12/10/2020 của Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 17/7/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Nam Định 5 năm 2021-2025; Đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, các quy hoạch ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt và Kế hoạch tài chính - ngân sách 5 năm 2021-2025 tỉnh Nam Định.

2. Thực hiện hiệu quả cơ cấu lại đầu tư công theo hướng tập trung; khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải; tránh lãng phí; đảm bảo bám sát thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển và phù hợp với các quy hoạch. Xác định nguồn vốn ngân sách địa phương là nguồn lực chủ yếu, lồng ghép với các nguồn vốn hỗ trợ từ Trung ương, vốn ODA,... đồng thời tích cực thu hút nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Không bố trí vốn đầu tư nguồn NSNN vào các lĩnh vực, dự án mà các thành phần kinh tế khác đã đầu tư, sản xuất kinh doanh, trừ các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật.

3. Phân bổ vốn gắn với sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy phát triển nhanh và bền vững theo định hướng từng bước hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu phục vụ cho thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025. Trong đó tập trung xây dựng, phát triển thành phố Nam Định và vùng kinh tế biển tạo động lực tăng trưởng mới; hoàn thành các mục tiêu xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại các địa phương,...

4. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực quan trọng. Tập trung bố trí vốn cho một số dự án giao thông có tính kết nối vùng, tác động lan tỏa, góp phần xúc tiến và thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh; các dự án thủy lợi phục vụ cho công tác phòng chống thiên tai và biến đổi khí hậu, đảm bảo an toàn và thúc đẩy sản xuất nông nghiệp; dự án giáo dục, y tế trọng điểm; dự án phục vụ chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số, cải cách hành chính; dự án đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; dự án văn hóa thúc đẩy phát triển du lịch và dịch vụ; dự án đảm bảo quốc phòng - an ninh,...

5. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công. Đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác lập kế hoạch phân bổ vốn đầu tư công trung hạn. Quản

lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, nâng cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường chủ động cho các cấp, các ngành và nâng cao hiệu quả đầu tư.

Điều 2. Định mức phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Nguồn vốn ngân sách trung ương

Thực hiện định mức phân bổ chi tiết vốn ngân sách Trung ương cho các chương trình, dự án theo Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Nguồn vốn ngân sách địa phương

Nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh bao gồm: Vốn tập trung trong nước; Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết; Vốn từ nguồn thu sử dụng đất; Ngân sách tỉnh giao tăng từ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi NSNN,... của tỉnh theo khả năng cân đối. Định mức phân bổ cụ thể từng nguồn vốn như sau:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước: Tỉnh trực tiếp quản lý điều hành 100%.

b) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: Theo định mức cụ thể như sau:

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân (trừ các khu đất đã được đầu tư hạ tầng hoặc có kế hoạch đầu tư hạ tầng); thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đã sử dụng đất:

+ Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất tại các xã, thị trấn: Tỉnh trực tiếp quản lý điều hành 50%; Huyện, thành phố trực tiếp quản lý điều hành 20%; Xã, thị trấn trực tiếp quản lý điều hành 30%.

+ Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất tại các phường: Tỉnh trực tiếp quản lý điều hành 50%; thành phố trực tiếp quản lý điều hành 50%.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư; khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Nam Định:

+ Ngân sách tỉnh 80%; trong đó tỉnh cấp lại toàn bộ để đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn thành phố Nam Định.

+ Thành phố trực tiếp quản lý điều hành 20%.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư; khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn các huyện: Ngân sách tỉnh 100%; Trong đó:

+ Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất các khu đô thị tại thị trấn các huyện được quyết định đầu tư trước ngày 01/01/2021: Cấp lại 100% để chi phục vụ công tác giải phóng mặt bằng của dự án, chi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thuộc dự án; số còn lại để chi đầu tư xây dựng các dự án, công trình trọng điểm trên địa bàn huyện và ưu tiên cho các dự án, công trình của thị trấn có đất bị thu hồi theo danh mục và kinh phí phân bổ cho các dự án, công trình được Hội đồng nhân dân huyện thông qua.

+ Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất tại các khu tái định cư, khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung trên địa bàn các huyện (trừ các khu đô thị tại thị trấn các huyện được quyết định đầu tư trước ngày 01/01/2021): Ngân sách tỉnh cấp lại toàn bộ khoản kinh phí giải phóng mặt bằng của dự án, chi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng thuộc dự án (Riêng các dự án khu (điểm) dân cư tập trung do Ủy ban nhân dân huyện đã quyết định đầu tư theo Nghị quyết 30/2018/NQ-HĐND ngày 08/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh đã thực hiện một trong các bước đấu thầu xây lắp, giải phóng mặt bằng hoặc đầu tư hạ tầng: Thực hiện cấp bổ sung có mục tiêu).

Số còn lại được coi là 100% và được sử dụng như sau: Để lại ngân sách tỉnh 50% để đầu tư các dự án, công trình của tỉnh. Cấp lại 50% để đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn các huyện theo nguyên tắc: Số vốn cấp lại được coi là 100%, trong đó dành tối thiểu 60% để chi đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn từng huyện do tỉnh quyết định đầu tư; Số còn lại (tối đa 40%) được cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện để đầu tư các dự án, công trình theo danh mục được Hội đồng nhân dân huyện thông qua, trong đó ưu tiên: Các dự án, công trình của xã có đất bị thu hồi; các dự án, công trình trên địa bàn huyện; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có); công tác đo đạc, chỉnh lý, đăng ký, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai...

+ Các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn các huyện: Để lại ngân sách tỉnh 50% để đầu tư các dự án, công trình của tỉnh. Cấp lại 50% để đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn các huyện theo nguyên tắc: Số vốn cấp lại được coi là 100%, trong đó dành tối thiểu 60% để chi đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn huyện do tỉnh quyết định đầu tư; Số còn lại (tối đa 40%) được cấp bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện để đầu tư các dự án, công trình theo danh mục được Hội đồng nhân dân huyện thông qua, trong đó ưu tiên: Các dự án, công trình của xã có đất bị thu hồi; các dự án, công trình trên địa bàn huyện; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có); công tác đo đạc, chỉnh lý, đăng ký, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai...

- Vốn đầu tư từ nguồn thu xử lý sắp xếp lại nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị và doanh nghiệp theo Nghị định số 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021; Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ: Ngân sách tỉnh 100%, trong đó:

+ Đối với nguồn thu từ việc sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất do tỉnh và Trung ương điều chuyển cho tỉnh quản lý: Dành 100% để chi đầu tư cho các dự án, công trình của tỉnh.

+ Đối với nguồn thu từ việc sắp xếp lại các cơ sở nhà, đất do huyện, thành phố quản lý: Dành 100% để chi đầu tư xây dựng các dự án, công trình do tỉnh, huyện quyết định đầu tư.

(Riêng năm 2021 thực hiện điều tiết vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất theo định mức quy định tại Nghị quyết số 58/2020/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh).

c) Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: Tỉnh trực tiếp quản lý điều hành 100%.

d) Ngân sách tỉnh giao tăng từ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi NSNN,... của tỉnh: Tỉnh trực tiếp quản lý điều hành 100% (*Đối với các khoản giao tăng từ nguồn tăng thu, tiết kiệm chi NSNN,... của các huyện, thành phố thì các huyện, thành phố trực tiếp quản lý điều hành*).

Điều 3. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Các nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn

a) Các nguyên tắc chung

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội, Nghị quyết số 973/2020/NQ-UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Nhà nước giai đoạn 2021-2025 và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Việc lựa chọn danh mục dự án vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 phải đảm bảo nguyên tắc quy định tại Điều 57 Luật Đầu tư công. Đồng thời, danh mục các chương trình, dự án đã bố trí kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2021 đã được cấp có thẩm quyền giao phải thuộc danh mục chương trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 bố trí cho từng chương trình, dự án không thấp hơn mức vốn kế hoạch năm 2021 đã được giao.

b) Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn:

- Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công (nếu có);

- Phân bổ đủ vốn để thu hồi các khoản vốn ứng trước nguồn ngân sách nhà nước;

- Ưu tiên bố trí vốn để thực hiện các dự án lớn, trọng điểm, có tính kết nối và tác động liên vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững.

- Bố trí vốn cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài phù hợp với tiến độ thực hiện dự án và quyết định đầu tư theo

Hiệp định ký kết; vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án theo phương thức đối tác công tư PPP (nếu có);

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và lập quy hoạch tỉnh.

- Bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025 theo khả năng cân đối của từng nguồn vốn và theo thứ tự ưu tiên cụ thể như sau:

 - + Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án đã quyết toán; các dự án hoàn thành chưa quyết toán.

 - + Bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành và tiếp tục triển khai thực hiện các dự án chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025.

 - Bố trí vốn để khởi công mới các dự án theo khả năng cân đối; đảm bảo thời gian bố trí vốn và thủ tục đầu tư theo quy định.

 - Đối với các dự án không đủ khả năng cân đối vốn để thực hiện theo quyết định đầu tư đã được phê duyệt thì rà soát, dừng thực hiện tại điểm dừng kỹ thuật, đảm bảo hiệu quả số vốn đã đầu tư.

2. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ cụ thể đối với từng nguồn vốn

a) Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương

- Bố trí vốn để thực hiện các dự án trọng điểm, dự án có tính liên kết vùng, có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững, đường ven biển không thấp hơn mức vốn theo thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bố trí thu hồi đủ vốn ứng trước nguồn ngân sách Trung ương theo đúng số liệu thông báo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án văn hóa, giao thông trọng điểm của tỉnh.

- Bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành và triển khai thực hiện các dự án đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025. Thứ tự ưu tiên bố trí vốn thực hiện như nguyên tắc chung; đồng thời đảm bảo phù hợp với các ý kiến thẩm định và quy định chi tiết của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Đối với các dự án sử dụng vốn ODA: Bố trí đủ vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài cho các dự án có trong danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 nhưng còn thiếu vốn và Hiệp định vay của dự án còn hiệu lực để giải ngân. Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025 bố trí vốn ODA theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phù hợp với thông báo bổ sung vốn trung hạn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương

- Bố trí đủ vốn hoàn ứng ngân sách tỉnh và vốn ứng từ quỹ phát triển đất cho GPMB đến hết năm 2020 chưa bố trí nguồn để thu hồi.

- Bố trí đủ vốn đối ứng ODA cho các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020; dự án dự kiến ký Hiệp định vay trong giai đoạn 2021-2025 bố trí vốn đối

ứng phù hợp với tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt và khả năng giải ngân của từng dự án.

- Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và lập Quy hoạch tỉnh.
- Bố trí vốn để hỗ trợ xây dựng, phát triển thành phố Nam Định.
- Bố trí vốn cho các dự án trọng điểm phục vụ các mục tiêu phát triển kinh

tế - xã hội của tỉnh.

- Mức vốn bố trí chi tiết cho từng chương trình, dự án theo khả năng cân đối giai đoạn 2021-2025 và theo thứ tự ưu tiên như nguyên tắc chung.

- Đối với vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: Thực hiện theo đúng các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tạm thời chưa bố trí vốn cho các dự án không có khả năng giải ngân. Dự án đã hoàn thành, dự án tạm dừng thực hiện hoặc tạm dừng tại điểm dừng kỹ thuật có số vốn còn thiếu dưới 1,0 tỷ đồng tạm thời chưa bố trí vốn để chờ quyết toán.

Điều 4. Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

Tổng số vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh là 38.912,191 tỷ đồng. Trong đó:

1. Chia theo nguồn vốn:

a) Vốn ngân sách Trung ương theo đúng Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ :

- Vốn trong nước: 4.150,544 tỷ đồng
- Vốn nước ngoài: 4.066,167 tỷ đồng

b) Vốn ngân sách địa phương: 84,377 tỷ đồng

- Vốn tập trung trong nước Chính phủ giao: 34.761,647 tỷ đồng
- Vốn từ nguồn thu sử dụng đất Chính phủ giao: 3.879,169 tỷ đồng
- Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết Chính phủ giao: 9.102,731 tỷ đồng
- Vốn từ nguồn thu sử dụng đất tỉnh giao tăng: 186,0 tỷ đồng
- Ngân sách tỉnh giao tăng (từ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi NSNN, ... của tỉnh): 19.893,747 tỷ đồng

2. Chia theo kế hoạch các năm:

a) Vốn ngân sách Trung ương:

- Đã giao kế hoạch năm 2021: 1.316,237 tỷ đồng
- + Vốn trong nước: 1.248,704 tỷ đồng
- + Vốn nước ngoài: 67,533 tỷ đồng
- Còn lại giai đoạn 2022-2025: 2.834,307 tỷ đồng
- + Vốn trong nước: 2.817,463 tỷ đồng
- + Vốn nước ngoài: 16,844 tỷ đồng

b) Vốn ngân sách địa phương:

- Đã giao kế hoạch năm 2021: 3.140,76 tỷ đồng
- + Vốn tập trung trong nước: 686,76 tỷ đồng
- + Vốn từ nguồn thu sử dụng đất Chính phủ giao: 2.000,0 tỷ đồng
- + Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 34,0 tỷ đồng

+ Vốn từ nguồn thu sử dụng đất tỉnh giao tăng:	220,0 tỷ đồng
+ Ngân sách tỉnh giao tăng (từ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi NSNN,... của tỉnh):	200,0 tỷ đồng
- Còn lại giai đoạn 2022-2025:	31.620,887 tỷ đồng
+ Vốn tập trung trong nước:	3.192,409 tỷ đồng
+ Vốn từ nguồn thu sử dụng đất Chính phủ giao:	7.102,731 tỷ đồng
+ Vốn từ nguồn thu xổ số kiến thiết:	152,0 tỷ đồng
+ Vốn từ nguồn thu sử dụng đất tỉnh giao tăng:	19.673,747 tỷ đồng
+ Ngân sách tỉnh giao tăng (từ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi NSNN,... của tỉnh):	1.500,0 tỷ đồng

Điều 5. Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Đối với nguồn vốn ngân sách Trung ương: Thống nhất phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 theo các báo cáo của UBND tỉnh đã trình và được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách địa phương:

Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 cụ thể như sau:

a) Đối với kế hoạch vốn năm 2021: Phân bổ chi tiết theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 08/12/2020 của HĐND tỉnh là 3.140,76 tỷ đồng.

b) Còn lại giai đoạn 2022-2025: 31.620,887 tỷ đồng

- Đối với phân phân cấp ngân sách tỉnh: 29.165,662 tỷ đồng

+ Phần các huyện, thành phố chủ động dự kiến danh mục dự án và số vốn phân bổ chi tiết cho từng dự án theo đúng quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: 18.560,920 tỷ đồng

Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư, khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Nam Định là 5.272,966 tỷ đồng; Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư, khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn các huyện là 13.287,954 tỷ đồng.

+ Phần tỉnh trực tiếp quản lý, điều hành: 10.604,742 tỷ đồng

Phân bổ chi tiết như sau: Trả nợ lãi vay, phí của các dự án ODA là 12,588 tỷ đồng; Bố trí thu hồi vốn ứng đến hết năm 2021 chưa thu hồi là 565,315 tỷ đồng; Bố trí vốn lập Quy hoạch tỉnh Nam Định là 18,2 tỷ đồng; Bố trí vốn đối ứng ODA là 220,412 tỷ đồng; Bố trí vốn để chuẩn bị đầu tư, GPMB và XD CB khác (từ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi NSNN,... của tỉnh; trong đó có dự phòng vốn để trả nợ lãi vay, phí của các dự án ODA phát sinh trong các năm 2022-2025) là 250,0 tỷ đồng; Bố trí cho các dự án trọng điểm là 7.130,0 tỷ đồng; Bố trí cho các dự án thuộc danh mục ngân sách tỉnh là 1.151,815 tỷ đồng; Bố trí cho các dự án thuộc danh mục ngân sách trung ương là 1.056,001 tỷ đồng; Bố trí

cho các công trình khởi công mới và các khoản hỗ trợ phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh là 200,411 tỷ đồng. Tạm thời chưa bố trí vốn cho các dự án không có khả năng giải ngân; Dự án đã hoàn thành, dự án tạm dừng thực hiện hoặc tạm dừng tại điểm dừng kỹ thuật có số vốn còn thiếu dưới 1,0 tỷ đồng chưa bố trí vốn để chờ quyết toán.

- Đối với phần phân cấp ngân sách huyện, thành phố, xã, thị trấn là 2.455,225 tỷ đồng: Các huyện, thành phố chủ động lập kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 thuộc cấp mình quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

(Chi tiết kèm theo các Phụ lục I, II.a, II.b, III, IV.a, IV.b, V)

Điều 6. Các giải pháp triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

1. Quán triệt tới các cấp, các ngành chủ động triển khai và hoàn thành kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 theo quy định. Thực hiện nghiêm Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, các quy định của Trung ương và của tỉnh về quản lý đầu tư xây dựng cơ bản. Kiểm soát chặt chẽ và nâng cao chất lượng việc lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư; quyết định đầu tư dự án; chất lượng và tiến độ thi công; công tác thanh, quyết toán vốn của các công trình.

2. Thường xuyên theo dõi, rà soát tình hình thực hiện và giải ngân của các dự án. Chủ động có giải pháp cụ thể tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc hoàn thiện hồ sơ, thủ tục; chỉ đạo quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng để đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, dự án. Lựa chọn nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm để triển khai đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng.

3. Đối với công trình hoàn thành nhưng chưa quyết toán khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, thủ tục để phê duyệt quyết toán theo quy định. Đối với các công trình chuyển tiếp chưa cân đối đủ nguồn vốn trung hạn thì thực hiện rà soát, cắt giảm các hạng mục công trình chưa thật cần thiết, chọn điểm dừng kỹ thuật hợp lý hoặc phân kỳ đầu tư để tập trung vốn cho các hạng mục, các dự án thật sự cấp thiết và phù hợp với khả năng cân đối các nguồn vốn. Việc đầu tư xây dựng hạ tầng các khu đô thị, khu dân cư tập trung, khu tái định phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở và các quy hoạch liên quan; đảm bảo tính khả thi trong công tác giải phóng mặt bằng.

4. Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực ngoài xã hội cho đầu tư; tranh thủ các nguồn vốn hỗ trợ từ trung ương; đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng hạ tầng và đấu giá quyền sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung để tạo nguồn triển khai các công trình trọng điểm, đặc biệt là các dự án giao thông có tính kết nối vùng, có ý nghĩa quan trọng tới thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xúc tiến và thu hút đầu tư vào địa bàn tỉnh. Rà soát các nguồn thu ngân sách trên địa bàn, tích cực khai thác các nguồn thu còn tiềm năng, phân đấu tăng thu ngân sách để tập trung bố trí vốn, sớm hoàn thành các công trình đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư.

5. Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ về đầu tư xây dựng cơ bản. Tiếp tục đổi mới công tác lập, theo dõi, đánh giá kế hoạch đầu tư công theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý vốn và dự án đầu tư công; đẩy mạnh hình thức đấu thầu qua mạng để nâng cao hiệu quả hoạt động công tác lựa chọn nhà thầu trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và chỉ đạo các Sở, ban, ngành, các huyện, thành phố triển khai đồng bộ các giải pháp thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025. Trong quá trình thực hiện, nếu cần điều chỉnh cho phù hợp với chế độ chính sách mới của Nhà nước và tình hình thực tiễn thì Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Hàng năm trong kỳ trung hạn, trên cơ sở nguồn vốn đầu tư công được Chính phủ giao và khả năng cân đối thêm từ các nguồn vốn ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công bao gồm danh mục và mức vốn bố trí chi tiết cho từng chương trình, dự án; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi giao kế hoạch. Chỉ quyết định giao chi tiết vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định Khóa XIX, Kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 02 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Lê Quốc Chính

Phụ lục I

TỔNG HỢP VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 TỈNH NAM ĐỊNH
(Kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Tỉnh Nam Định giao		
			Tổng số giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025
	TỔNG SỐ	17,318,444	38,912,191	4,456,997	34,455,194
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	4,150,544	4,150,544	1,316,237	2,834,307
1	Vốn trong nước	4,066,167	4,066,167	1,248,704	2,817,463
2	Vốn nước ngoài	84,377	84,377	67,533	16,844
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	13,167,900	34,761,647	3,140,760	31,620,887
1	Đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	3,879,169	3,879,169	686,760	3,192,409
2	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	9,102,731	28,996,478	2,220,000	26,776,478
	- Chính phủ giao	9,102,731	9,102,731	2,000,000	7,102,731
	- Tỉnh giao tăng	-	19,893,747	220,000	19,673,747
3	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	186,000	186,000	34,000	152,000
4	Ngân sách tỉnh giao tăng	-	1,700,000	200,000	1,500,000
	- Ngân sách tỉnh giao tăng (Từ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi NSNN,...)	-	1,700,000	200,000	1,500,000

Phụ lục II.a

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ, TRUNG HẠN

NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) VÀ NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bù từ KVC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025				Số dự án			
			TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:								
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Còn lại giải ngân năm 2021 đã bố trí	Còn lại giải ngân năm 2021 đã giao	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giải ngân năm 2021 đã giao									
																		NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	NSTW
	TỔNG SỐ		17.087.345	9.671.356	7.383.892	-	2.407.044	1.294.877	1.111.422	757.091	551.324	205.767	5.132.171	2.113.055	3.017.031	7.977.224	1.873.760	6.103.464	4.066.167	1.248.704	2.817.463	3.911.087	625.056	3.286.000	44	
*	Hoàn ứng NSTW		-	-	-	-	-	-	-	-	205.767	-	205.767	-	-	-	205.767	205.767	-	-	-	-	-	-	8	
a	Các công trình đã có QP phê duyệt quyết toán		1.947.333	686.866	1.259.730	-	1.757.380	1.003.366	753.269	-	-	-	1.399.900	843.408	555.827	357.400	327.532	296.648	197.442	197.442	-	159.538	130.110	29.648	9	
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021		1.632.083	580.506	1.050.820	-	1.511.010	951.790	558.475	-	-	-	1.233.372	822.880	430.247	257.638	257.638	-	128.228	128.228	-	129.410	129.410	-	6	
a.2	Các công trình đã quyết toán đến 31/12/2020 còn thiếu vốn		175.270	87.360	87.910	-	108.855	35.061	73.794	-	-	-	75.008	10.428	64.580	33.847	9.814	24.033	9.214	9.214	-	24.633	600	24.033	2	
a.3	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn		140.000	19.000	121.000	-	137.515	16.515	121.000	-	-	-	71.600	10.600	61.000	65.915	66.300	5.615	60.000	60.000	-	5.915	300	5.615	1	
c	Các công trình chuyển tiếp		14.891.092	8.925.590	5.964.162	-	649.664	291.511	358.153	-	551.324	551.324	-	3.682.191	1.269.647	2.412.504	7.245.157	12.702.41	5.974.916	3.552.558	775.495	2.777.463	3.692.199	494.746	3.197.433	25
d	Các công trình khởi công mới		218.900	58.900	160.000	-	-	-	-	-	-	-	-	50.000	-	50.000	168.900	70.000	98.900	110.000	70.000	40.000	58.900	-	58.900	2
	Chỉ tiếp như sau:		-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
A	HOÀN (ƯNG NSTW (Đã hoàn ứng đủ 100% NSTW trong KH năm 2021)		-	-	-	-	-	-	-	-	205.767	-	205.767	-	-	-	205.767	205.767	-	205.767	205.767	-	-	-	-	8
1	Sơ chữa, nâng cấp tuyến 1 để biển huyện Giao Thủy và sơ chữa, nâng cấp tuyến 1 để biển huyện Hải Hậu	Sơ NN&PINT	929/QĐ-UBND (22/6/2012)								10.000	10.000	-	-	-	-	10.000	10.000	-	10.000	10.000	-	-	-	-	1
2	Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu (Tên cũ: Dự án phát triển cơ sở hạ tầng nông nghiệp ven biển huyện Hải Hậu)	UBND h. Hải Hậu	1522 (39/14) 887 (09/4/15) 477 (09/3/20)								26.100	26.100	-	-	-	-	26.100	26.100	-	26.100	26.100	-	-	-	-	1
3	Đường cứu hộ bê tông mặt đất và kê lá mái, bảo vệ đê bao vùng dân cư mới Điện Biên xã Giao An, huyện Giao Thủy	UBND h. Giao Thủy	274 (29/01/106) 1923 (30/11/12)								6.773	6.773	-	-	-	-	6.773	6.773	-	6.773	6.773	-	-	-	-	1
4	Xử lý 3 tuyến kết cấu bê tông cốt thép: kết Phương Tường tuyến đề từ Ninh, huyện Trực Ninh; kết Tuyến Nam tuyến đề từ Ninh, huyện Nam Trực; kết Quấn Khu tuyến đề từ Ninh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sơ NN&PINT	713 (24/5/12) 111 (21/01/13) 477 (18/6/14)								10.084	10.084	-	-	-	-	10.084	10.084	-	10.084	10.084	-	-	-	-	1
5	Dự án nâng cấp đô thị Nam Định	UBND TP. Nam Định	274 (29/10/106) 1923 (30/11/12)								7.510	7.510	-	-	-	-	7.510	7.510	-	7.510	7.510	-	-	-	-	1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bố trí từ KC (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025						Số dự án	
			TMDT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số vốn NSNN giai đoạn 2021-2025	Trong đó:									
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW		KH năm 2021 đã bố trí	Còn lại giải ngân năm 2021-2025		Tổng số vốn NSDP giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã giao		Còn lại giải ngân năm 2021-2025									
																		NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	KH năm 2021 đã bố trí		Còn lại giải ngân năm 2021-2025
CTCP nước sạch và VSNT tại Nam Định	8047Tg- QHQT (17/06/05)					5.300	5.300			5.300	5.300			5.300	5.300											
7	- Xây dựng nhà thí điểm đa năng tỉnh Nam Định	Sở VH-TT-DL	9848(28/6/12)																							1
8	- Xây dựng Khu lưu niệm đồng chí Lê Đức Thọ tại tỉnh Nam Định	UBND TP.Nam Định	245(7/2/13)																							1
B	CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM		8.715.799	4.250.659	4.464.000	-	-	-	452.273	452.273	-	2.057.877	543.917	1.512.820	964.180	4.530.000	2.951.180	651.180	2.300.000	2.543.000	313.000	2.230.000			3	
I	GAO THỐNG		7.981.770	3.966.770	4.015.000	-	-	-	429.784	429.784	-	1.838.617	393.617	1.445.000	853.000	4.150.000	2.570.000	570.000	2.000.000	2.433.000	283.000	2.150.000			2	
c	Các công trình chuyên cấp		7.981.770	3.966.770	4.015.000	-	-	-	429.784	429.784	-	1.838.617	393.617	1.445.000	853.000	4.150.000	2.570.000	570.000	2.000.000	2.433.000	283.000	2.150.000			2	
1	- Xây dựng Đường trục phát triển nông vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định và đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1710 (31/7/17)																							1
			1410 (08/7/19)																							
			1590QD271g (15/02/20)																							
			2806 (25/11/20)																							
			457 (02/3/21)																							
			506 (08/3/21)																							
			2690QD108D (17/7/21)																							
2	- Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1135 (15/5/20)																							1
			2.655.270	1.340.270	1.315.000	-	-	-	42.903	42.903	-	246.000	1.000	245.000	650.000	1.300.000	1.070.000	500.000	880.000	80.000	800.000				1	
II	VĂN HÓA		734.029	283.889	449.000	-	-	-	22.489	22.489	-	219.260	150.300	67.820	491.180	111.180	380.000	381.180	300.000	110.000	30.000	80.000			1	
c	Các công trình chuyên cấp		734.029	283.889	449.000	-	-	-	22.489	22.489	-	219.260	150.300	67.820	491.180	111.180	380.000	381.180	300.000	110.000	30.000	80.000			1	
I	- Đầu tư xây dựng Khu Trung tâm lễ hội thuộc Khu di tích lịch sử - văn hóa Hoàng Trần tại tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2448 (30/01/17)																							1
			1511(19)																							1
			2681 (09/11/20)																							1
			1511(19)																							1
C	CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CƠN LẠM		8.341.546	5.420.697	2.919.892	-	-	-	99.051	99.051	-	3.074.294	1.560.138	1.504.211	703.813	1.573.464	909.220	391.757	517.463	1.368.087	312.456	1.056.000			33	
C1	CÁC DỰ ÁN ĐƯỢC BỐ TRÍ NSTW NĂM 2021 VÀ TIẾP TỤC BỐ TRÍ NSTW TRONG GIAI ĐOẠN 2022-2025		2.097.852	1.525.822	571.530	-	-	-	90.351	90.351	-	528.005	503.688	24.917	178.040	1.081.287	546.613	29.150	517.463	712.714	148.990	563.824			9	
I	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN		481.450	249.920	231.530	-	-	-	-	-	-	61.905	36.988	24.917	330.400	287.683	206.613	29.150	177.463	114.110	3.990	110.220			3	

Số TT		Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ưng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bù trừ từ KC đến hết K1 năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025						Số dự án	
				TMBĐT				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:		Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	NSTW	KH năm 2021 đã bù trừ		Còn lại giải ngân 2021-2025	Tổng số vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã bù trừ	Còn lại giải ngân 2021-2025	Tổng số vốn NSBP giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã bù trừ	Còn lại giải ngân 2021-2025	Tổng số vốn NSBP giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã bù trừ	Còn lại giải ngân 2021-2025				
																								Trong đó:			Trong đó:
c		Các công trình chuyển tiếp		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	23.1.530	37.528	11.600	25.928	-	-	61.905	36.988	24.917	320.723	33.040	287.683	206.613	29.150	177.463	11.410	3.890	110.220	3	
1		- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	UBND huyện Nghĩa Hưng	2461 (31/01/06) 2551 (18/11/99) 779 (12/4/21) 2151 (06/10/21)	109.700 31.160 78.540			2333 (28/10/21)	37.528	11.600	25.928		-	21.430	11.200	10.130	88.270	18.710	69.560	68.410		50.000	19.860	300	19.560	1	
2		- Đầu tư Xây dựng cảng cá Quỳnh Vinh, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	222HND-PT (30/10/15) 2457 (28/01/06) 2602 (21/11/99) 1677 (09/02/21)	265.545 177.805 87.740							-	-	1.300	1.300	-	178.700	11.040	167.660	87.740		77.000	90.960	300	90.660	1	
3		- Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Đê thuộc hệ thống thủy nông Vũ Bắc, huyện Vũ Bắc, tỉnh Nam Định	CBKTCTL V.Bắc	2284 (29/10/06) 1624 (25/10/21) 1038 (23/06/20) 2514 (12/11/99) 806 (14/02/21) 146 (14/02/21) 1691 (08/02/21)	106.205 40.955 65.250								-	39.175	24.388	14.787	53.753	3.290	50.463	50.463	-	50.463	3.290	3.290	-	1	
II		GIÁO THÔNG			1.567.102	1.266.902	300.000	-	121.282	121.282	-	90.351	90.351	-	466.900	466.700	-	889.604	145.000	744.604	300.000	-	300.000	899.604	145.000	444.604	5
c		Các công trình chuyển tiếp			1.567.102	1.266.902	300.000	-	121.282	121.282	-	90.351	90.351	-	466.900	466.700	-	889.604	145.000	744.604	300.000	-	300.000	899.604	145.000	444.604	5
1		- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488B huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1767 (21/8/18) 1910 (09/02/19) 457 (02/3/21) 3178QJHND (17/7/21)	324.050 274.050 50.000							23.093	23.093	-	141.000	141.000	-	159.857	25.000	134.857	50.000	-	50.000	109.857	25.000	84.857	1
2		- Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh lộ 487B, tỉnh Nam Định	UBND huyện Nam Trực	1980 (07/9/18) 1103 (25/5/21) 388 (21/02/20) 2244 (06/10/21)	250.099 200.099 50.000			3167 (31/12/20)	121.282	121.282	-	3.500	3.500	-	151.000	151.000	-	95.599	25.000	70.599	50.000	-	50.000	45.599	25.000	20.599	1
3		- Xây dựng Tỉnh lộ 485B đoạn từ đê sa sông Đào đến Quốc lộ 21B	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	2331 (23/01/16) 457 (02/3/21) 2244 (18/10/21)	563.908 463.908 100.000								-	132.400	132.400	-	302.631	25.000	337.631	100.000	-	100.000	262.631	25.000	237.631	1	
4		- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488C, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	1958 (13/09/99) 467 (02/3/21) 2166 (07/10/21)	148.817 98.817 50.000								-	42.300	42.300	-	106.517	50.000	56.517	50.000	-	50.000	56.517	50.000	6.517	1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 (không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)				Lũy kế vốn bổ từ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách NSNN giai đoạn 2021-2025				Số dự án																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
			TMĐT				Giá trị quyết toán				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó:				Trong đó:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)

Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025																													
Số TT	Danh mục dự án	Chia đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lập kế vốn bù từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)				Trong đó:				Trong đó:				Số dự án		
			TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số vốn NSNN giai đoạn 2021-2025	Còn lại giai đoạn 2022-2025	KH năm 2021 đã bố trí	Tổng số vốn NSNN giai đoạn 2021-2025	Còn lại giai đoạn 2022-2025	KH năm 2021 đã giao	Tổng số vốn NSNN giai đoạn 2021-2025	Còn lại giai đoạn 2022-2025	KH năm 2021 đã giao	Tổng số vốn NSNN giai đoạn 2021-2025	Còn lại giai đoạn 2022-2025	KH năm 2021 đã giao	Tổng số vốn NSNN giai đoạn 2021-2025						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh														NSTW	NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh	NSTW
3	- Cải tạo, nâng cấp kênh cấp nước để từ sông Đáy (từ K18+656 đến K20+073) huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Số NN&PTNT	208.848	273.754	64.906	330.421	75.433																						
4	- Đầu tư cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè, công trình hữu sông Hồng và đê tả Đèo huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Số NN&PTNT		405.854																									
5	- Cải tạo, nâng cấp đường cầu bê tông và phòng chống lụt bão tuyến đê biển tỉnh Nam Định	Số NN&PTNT		254.943	61.730																								
6	- Công cố, nâng cấp các đoạn đê, kè xung yếu thuộc tuyến đê biển tỉnh	Số NN&PTNT		391.435	52.900																								
7	- Đầu tư công cố, nâng cấp kênh cấp nước để từ sông Đáy (từ K156+621 đến K163+610), tỉnh Nam Định	Số NN&PTNT		287.964	56.280																								
8	- Cải tạo, nâng cấp đê hữu sông Đáy, huyện Vụ Bản	Số NN&PTNT		150.799	112.220	38.550	7.850	30.500																					
9	- Nâng cấp hạ tầng vùng nuôi trồng thủy sản xã Bạch Long, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định (Dự án quyết toán hàng mục)	UBND xã Bạch Long		68.414	14.320	26.947	12.627	14.320																					
10	- Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đê hữu sông Hồng và đê tả sông Đáy, TP Nam Định (Các hạng mục còn lại, không bao gồm phần đã quyết toán)	Số NN&PTNT		752.598	124.735																								
I	Công trình khác cùng mã		49.900	169.900	121.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1			
1	- Cải tạo, nâng cấp một số đoạn đê xung yếu trên tuyến đê sông tỉnh Nam Định	Số NN&PTNT		169.900	120.000																					1			
II	GIẢI THƯỞNG		475.112	1.286.957	811.845	-	1.185.203	769.853	415.350																	2			

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư										Ứng trước vốn NSNN đầu hết năm 2020 chưa thu hồi										Lấy kế vốn bù trừ từ KC đầu hết năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)										Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025	Số dự án																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																												
			TMĐT					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NS trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		KH năm 2021 đã bố trí	Còn lại giải ngân 2021-2025	Tổng số vốn NSNN giải ngân 2021-2025	Trong đó:		KH năm 2021 đã giải ngân	Còn lại giải ngân 2021-2025																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NS trung ương	Tổng số	NS tỉnh		NS trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NS trung ương	KH năm 2021 đã giải ngân		Còn lại giải ngân 2021-2025	Tổng số vốn NSNN giai đoạn 2021-2025					KH năm 2021 đã giải ngân	Còn lại giải ngân 2021-2025																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																								
																										Trong đó:	Trong đó:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																			
(1)	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																													

STT	Danh mục dự án	Chú đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đầu hết năm 2020 chưa thu hồi				Lập kế toán báo cáo KHC (không bao gồm các tài sản chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025						Số dự án													
			TMĐT		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Trong đó:		Tổng số vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Còn lại giải ngân năm 2021 đã báo	Tổng số vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Còn lại giải ngân năm 2021 đã báo	Trong đó:		Tổng số vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Còn lại giải ngân năm 2021 đã báo	Trong đó:		Tổng số vốn NSTW giai đoạn 2021-2025	Còn lại giải ngân năm 2021 đã báo	Số dự án													
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh				NSTW	NS tỉnh					NSTW	NS tỉnh			NSTW	NS tỉnh																
(I)	Các công trình đã có QP phê duyệt quyết toán		45.007	21.007	24.000	-	43.702	28.702	15.000	-	-	-	37.504	28.402	9.102	6.198	-	5.898	-	300	300	-	1															
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết từ KH 2021		45.007	21.007	24.000	-	43.702	28.702	15.000	-	-	-	37.504	28.402	9.102	6.198	-	5.898	-	300	300	-	1															
1	- Phát triển hạ tầng khu công nghiệp phía đông từ tỉnh Nam Định giai đoạn 2016-2020	Số TT&TT (24/10/20) 2094 (27/9/19)	45.007	21.007	24.000	2011 (08/12/20)	43.702	28.702	15.000	-	-	-	37.504	28.402	9.102	6.198	-	5.898	-	300	300	-	1															
VI	KHU CÔNG NGHIỆP VÀ KHU KINH TẾ		92.731	76.621	16.110	-	28.727	12.617	16.110	-	-	-	11.030	2.050	8.980	17.697	7.430	7.130	-	10.567	300	10.267	1															
(I)	Các công trình đã có QP phê duyệt quyết toán		92.731	76.621	16.110	-	28.727	12.617	16.110	-	-	-	11.030	2.050	8.980	17.697	7.430	7.130	-	10.567	300	10.267	1															
a.2	Các công trình đã quyết toán đến 31/12/2020 còn chưa vào		92.731	76.621	16.110	-	28.727	12.617	16.110	-	-	-	11.030	2.050	8.980	17.697	7.430	7.130	-	10.567	300	10.267	1															
1	- Giải quyết các vấn đề xây dựng tuyến đường gom, đường vào khu công nghiệp Mỹ Trung, tỉnh Nam Định	Ban QL các khu công nghiệp (13/2 (19/12/19) 1511 (23/7/19)	92.731	76.621	16.110	2379 (23/9/20)	28.727	12.617	16.110	-	-	-	11.030	2.050	8.980	17.697	7.430	7.130	-	10.567	300	10.267	1															
VII	KHO TÀNG		70.900	53.890	17.010	-	60.906	43.896	17.010	-	-	-	41.150	25.520	15.630	17.680	1.680	1.380	-	16.300	300	16.000	1															
c	Các công trình chuyển tiếp		70.900	53.890	17.010	-	60.906	43.896	17.010	-	-	-	41.150	25.520	15.630	17.680	1.680	1.380	-	16.300	300	16.000	1															
1	- Xây dựng kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh (09/12/19) 2585 (18/11/19) 3128 (30/12/20)	70.900	53.890	17.010	2115 (01/10/21)	60.906	43.896	17.010	-	-	-	41.150	25.520	15.630	17.680	1.680	1.380	-	16.300	300	16.000	1															
VIII	XÃ HỘI		38.273	25.373	12.900	-	-	-	-	-	-	-	300	300	-	37.973	13.200	12.900	-	25.073	300	24.773	1															
c	Các công trình chuyển tiếp		38.273	25.373	12.900	-	-	-	-	-	-	-	300	300	-	37.973	13.200	12.900	-	25.073	300	24.773	1															
1	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trung tâm bảo trợ xã hội tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh (09/12/19) 2585 (18/11/19) 3128 (30/12/20)	38.273	25.373	12.900	955 (05/16) 2114 (06/19/19) 2585 (18/11/19) 3128 (30/12/20)	-	-	-	-	-	-	300	300	-	37.973	13.200	12.900	-	25.073	300	24.773	1															
IX	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH		59.370	44.830	14.540	-	-	-	-	-	-	-	35.300	30.300	5.000	24.070	9.840	9.540	-	14.530	300	14.230	1															
c	Các công trình chuyển tiếp		59.370	44.830	14.540	-	-	-	-	-	-	-	35.300	30.300	5.000	24.070	9.840	9.540	-	14.530	300	14.230	1															
1	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện Y học cổ truyền, tỉnh Nam Định	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh (09/12/19) 2585 (18/11/19) 3127 (30/12/20) 3128 (05/10/21)	59.370	44.830	14.540	2138 (28/9/16) 2515 (06/19/19) 2640 (27/11/19) 3127 (30/12/20) 3128 (05/10/21)	-	-	-	-	-	-	35.300	30.300	5.000	24.070	9.840	9.540	-	14.530	300	14.230	1															

Phụ lục II.b

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN
NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Số quyết định	Quyết định đầu tư							KH đầu tư trung hạn vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Số dự án	
				Tổng mức đầu tư								KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025		
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							
					Trong đó:		Tinh bằng ngoại tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt						
					Tổng số	NSTW			NSDP	Đưa vào cân đối NSTW					Vay lại
	TỔNG SỐ			414,415	105,726	300	105,426	-	308,689	236,501	72,188	67,533	16,844	2	
I	TÀI NGUYÊN			104,945	17,586	-	17,586	-	87,359	69,887	17,472	46,634	10,410	1	
a	Dự án chuyển nếp														
I	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn Ngân hàng Thế giới (VILG)	Sở Tài nguyên và Môi trường	1236/BTNMT (30/5/16); 1864/QĐ-UBND (7/9/16)	104,945	17,586		17,586		87,359	69,887	17,472	46,634	10,410	1	
II	GIAO THÔNG			309,470	88,140	300	87,840	-	221,330	166,614	54,716	20,899	6,434	1	
a	Dự án chuyển nếp														
I	- Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương thuộc Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	Ban QLDA đầu tư xây dựng tỉnh Nam Định	622/QĐ-BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ-BGTVT (15/6/17) 3217/QĐ-UBND (30/12/16) 1500/QĐ-UBND (18/7/18) 2253/QĐ-UBND (14/10/19) 2198/QĐ-UBND (04/9/20) 1114/QĐ-TTg (24/7/20)	245,200	76,120		76,120		169,080	135,264	33,816	6,333	-	1	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư											KH đầu tư trung hạn vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Số dự án
			Tổng mức đầu tư												KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025	
			Vốn đối ứng				Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)				Trong đó:						
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tinh bằng ngoại tệ	Tổng số	Quy đổi ra tiền Việt		Trong đó:							
				NSTW	NSDP			Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại								
			622/QĐ-BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ-BGTVT (15/6/17) 3217/QĐ-UBND (30/12/16) 1500/QĐ-UBND (18/7/18) 2253/QĐ-UBND (14/10/19) 2198/QĐ-UBND (04/9/20) 1114/QĐ-TTg (24/7/20) 7145/BC-BKHĐT (18/10/21)	64,270	12,020	300	11,720		52,250	31,350	20,900	21,000	14,566	6,434			

Phụ lục III

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

TT	Nguồn vốn	Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Tỉnh Nam Định giao			Đơn vị: Triệu đồng
			Tổng số giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025	
A	TỔNG NGUỒN	13,167,900	34,761,647	3,140,760	31,620,887	
1	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước	3,879,169	3,879,169	686,760	3,192,409	
2	Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	9,102,731	28,996,478	2,220,000	26,776,478	
	- Chính phủ giao	9,102,731	9,102,731	2,000,000	7,102,731	
	- Tỉnh giao tăng	-	19,893,747	220,000	19,673,747	
3	Vốn đầu tư từ nguồn thu số xổ kiến thiết	186,000	186,000	34,000	152,000	
4	Ngân sách tỉnh giao tăng	-	1,700,000	200,000	1,500,000	
	- Ngân sách tỉnh giao tăng (Từ các khoản tăng thu, tiết kiệm chi NSNN,...)	-	1,700,000	200,000	1,500,000	
			-	-	-	
B	PHÂN BỐ CHI TIẾT		34,761,647	3,140,760	31,620,887	
B.1	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH TỈNH		31,907,422	2,741,760	29,165,662	
I	Phần tỉnh trực tiếp quản lý, điều hành		12,043,502	1,438,760	10,604,742	

TT	Nguồn vốn	Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021	Tỉnh Nam Định giao		
			Tổng số giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025
	- Bố trí vốn thực hiện các dự án tính trực tiếp quản lý điều hành		12,043,502	1,438,760	10,604,742
II	Phần các huyện, thành phố chủ động dự kiến danh mục dự án và số vốn phân bổ chi tiết cho từng dự án theo đúng quy định tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh		19,863,920	1,303,000	18,560,920
1	Bố trí vốn để hỗ trợ xây dựng, phát triển thành phố Nam Định		28,000	28,000	-
2	Tiền thu từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư; các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn thành phố Nam Định: cấp lại 100% phần điều chỉnh ngân sách tỉnh để chi đầu tư xây dựng các dự án, công trình trên địa bàn TP Nam Định		5,477,966	205,000	5,272,966
3	Tiền thu từ sử dụng đất các khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung, khu tái định cư, khu đất giao cho nhà đầu tư trên địa bàn các huyện		14,357,954	1,070,000	13,287,954
a	Ngân sách tỉnh cấp lại toàn bộ khoản kinh phí GPMB và chi đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng (Riêng các khu đất giao cho nhà đầu tư theo hình thức lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn các huyện thì không phải bố trí kinh phí GPMB và chi đầu tư xây dựng hạ tầng)		7,987,713	375,000	7,612,713
b	Sau khi đã trừ đi kinh phí GPMB và chi đầu tư xây dựng hạ tầng thì cấp lại 50% để đầu tư các công trình, dự án trên địa bàn các huyện. Trong đó:		6,370,241	695,000	5,675,241
	- Dành tối thiểu 60% số cấp lại để chi đầu tư các dự án, công trình trên địa bàn các huyện do tỉnh quyết định đầu tư		3,995,174	417,000	3,578,174
	- Số còn lại (tối đa là 40%) được cấp bổ sung mục tiêu cho ngân sách huyện để đầu tư các dự án, công trình theo danh mục được Hội đồng nhân dân huyện thông qua, trong đó ưu tiên: Các dự án, công trình của xã có đất bị thu hồi; các dự án, công trình trên địa bàn huyện; xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản (nếu có); công tác đo đạc, chỉnh lý, đăng ký, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai...		2,375,067	278,000	2,097,067
B.2	PHÂN CẤP NGÂN SÁCH HUYỆN, THÀNH PHỐ, THỊ TRẤN, XÃ		2,854,225	399,000	2,455,225

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN
NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Phụ lục IV.a

Đơn vị: Triệu đồng																									
Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bố trí từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trong hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025				Số dự án		
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số giai đoạn 2021 - 2025	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025			
				16.715,784	12,955,266	2,341,876	-	4,139,015	2,230,501	1,722,077	241,648	24,079	216,969	2,138,652	1,910,183	8,160,445	841,704	7,318,741				188			
A	CHI TRẢ NỢ LÃI VAY, PHÍ CỦA CÁC DỰ ÁN ODA															12,588	-	12,588				6			
I	Các dự án đang triển khai thực hiện																								
1	- Hợp phần khôi phục, cải tạo đường địa phương thuộc Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LKAMP)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	622/QĐ-BGTVT (2/3/16); 1698/QĐ-BGTVT (15/6/17) 3217/QĐ-UBND (30/12/16) 1500/QĐ-UBND (04/10/19) 2253/QĐ-UBND (14/10/19) 2198/QĐ-UBND (04/9/20) 1114/QĐ-TTg (24/7/20)																3,010			3,010	1		
2	- Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại tỉnh Nam Định vay vốn ngân hàng Thế giới (VILG)	Sở TNMT	1236/BTNMT (30/5/16) 1864/QĐ-UBND (7/9/16)																1,288			1,288	1		
3	- Nâng cấp hạ tầng thủy lợi huyện Hải Hậu (phần sử dụng vốn dự)	UBND huyện Hải Hậu	1522 (3/9/14) 587 (09/4/15) 477 (09/3/20)																752			752	1		
II	Các dự án dự kiến khởi công mới																								
1	- Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu sử dụng vốn vay của Ngân hàng Châu Á (ADB)																					5,036	1		

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025				Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	NS tỉnh	NSTW	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	NS tỉnh	NSTW	Tổng số giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã giao		Còn lại giai đoạn 2022-2025
6	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488B huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	1767 (21/8/18) 910 (09/9/19) 457 (02/3/21) 31/NO-HĐND (17/7/21)																		1.205		1.205	1
II	Hoàn ứng quỹ phát triển đất																							
1	- Dự án Cũm nhà ở sinh viên tập trung TPND	Sở Xây dựng	1341 (01/7/09)				2971 (31/12/15)														1.623	1.623		1
2	- Dự án Xây dựng tuyến đường bộ mới nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào - QL21B (phía Đông Nam TPND)	Sở GTVT	1330 (9/7/15) 1977 (5/10/15) 2569 (02/12/15)				1834 (14/8/17)														6.110	6.110		1
3	- Dự án Nâng cấp, cải tạo tỉnh lộ 486B (đường 56 cũ)	Sở GTVT	1855 (23/11/12) 498 (9/4/13) 1863 (8/11/13)				1447 (19/8/16) 1581 (18/8/15) 1582 (18/8/15)														25.456	25.456		1
4	- Dự án Đầu tư xây dựng khán đài cấp kiến có hơn một đề biến đoạn từ phía Thịnh Long đến cảng Quán Vính 1 (tương ứng K0+6-700) để biến huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	90 (13/01/09); 1482 (22/7/10)																		1.520	1.520		1
5	- Dự án Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão đề hữu sông Hồng và đề tả sông Đào, thành phố Nam Định	Sở NN&PTNT	1644 (27/9/11) 1393 (15/6/20) 341 (05/03/12)																		8.379	8.379		1
6	- Dự án Khu văn hóa Trần	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	252 (12/10/05)																		31.335	31.335		1
7	- Dự án Xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão cửa Ninh Cơ, huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	736 (64/10) 764 (07/5/15) 631/UBND-VP5 (27/8/18)																		8.800	8.800		1

Số TT	Danh mục dự án	Chưa đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025			Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giải ngân 2021-2025	Trong đó:		KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NS TW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NS tỉnh	NS TW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NS TW						
8	- Dự án Khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão kết hợp bến cá cửa Hà Lam, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1621 (24/10/12) 2679 (21/11/17) 2603 (21/11/19) 2937 (25/12/19) 96 (10/01/20) 472 (04/3/21)														8.700	8.700			1	
9	- Dự án Xây dựng đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biên tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	1710 (31/7/17) 4110 (08/7/19) 1589/QĐ-TTg (15/10/20) 2806 (25/11/20) 457 (02/3/21) 506 (08/3/21) 26/NQ-HĐND (17/7/21)															381.252	200.000	181.252		1
10	- Dự án Xây dựng cầu Thịnh Long thuộc tuyến đường bộ ven biển	Ban Quản lý dự án Thăng Long (Bộ GTVT)	688/QĐ-BCTVT (25/02/15)															28.344	-	28.344		1
11	- Dự án Xây dựng hạ tầng 02 khu tái định cư xã Nam Mỹ, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2149 (23/10/15) 2476 (20/11/15) 1328 (27/6/16)															7.170	-	7.170		1
12	- Dự án Xây dựng tỉnh lộ 489C đoạn từ nút giao QL21 (cầu Lạc Quàn) đến cầu Sa Cao, huyện Xuân Trường	Sở GTVT	1115 (27/8/16) 430 (13/02/18) 1577 (27/7/18)															64.070	-	64.070		1
13	- Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu tái định cư xã Yên Tiến, huyện Ý Yên phục vụ công tác GPMB thị công đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biên tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	1589/QĐ-TTg (15/10/20) 26/NQ-HĐND (17/7/21)															6.443	-	6.443		1
14	- Dự án Đầu tư xây dựng Khu trung tâm lễ hội thuộc Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích lịch sử - văn hóa thời Trần tại tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	2448 (01/01/17) 2547 (15/11/19) 2681 (09/11/20) 2111 (30/9/21)															22.490	-	22.490		1

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	
15	- Dự án Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 488B huyện Trại Ninh, tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	1767 (21/8/18) 1910 (09/9/19) 457 (02/3/21) 31/NGHĐND (17/7/21)														21,962			21,962			1
16	- Xây dựng Tỉnh lộ 485B đoạn từ đê tả sông Đào đến Quốc lộ 21B (Giai đoạn I: Từ quốc lộ 10 đến quốc lộ 21B)	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	2331 (23/10/18) 457 (02/3/21) 2244 (18/10/21)														45,477			45,477			1
17	- Xây dựng Tỉnh lộ 485B đoạn từ đê tả sông Đào đến Quốc lộ 21B (Giai đoạn II: Từ đê hữu sông Đào (phủ Kinh Lăng) đến Quốc lộ 10) trên địa bàn huyện Vụ Bản	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	2331 (23/10/18) 457 (02/3/21) 2244 (18/10/21)														5,219			5,219			1
18	- Dự án Xây dựng tuyến đường bộ ven biển, đoạn qua tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	132/QĐ-TTg (17/01/20) 1135 (15/5/20) 457 (02/3/21) 27/NGHĐND (17/7/21)														92,074			92,074			1
C	LẬP QUY HOẠCH TỈNH NAM ĐỊNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050			48.222	48.222												10.000	10.000		38.200	20.000		1
1	- Lập quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Sở KH&ĐT	92/QĐ-TTg (10/7/20) 2733 (19/12/19) 2733 (12/11/20) 2962 (10/12/20) 746 (08/4/21)	48.222	48.222												10.000	10.000		38.200	20.000		1
D	ĐỔI ƯỚNG CÁC DỰ ÁN ODA			870.576	870.276	300											15.311	15.311		221.976	1.564	220.412	9
c	Các công trình chuyển tiếp			37.587	37.287	300											15.311	15.311		21.976	1.564	20.412	5
1	- Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015-2020	Sở NN&PTNT	1225 (30/06/15) 2515 (06/11/17)	697	697												428	428		269		269	1
2	- Giám sát an ninh bãi và trồng rừng ngập mặn bảo vệ nam Cửa Xá, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1226 (30/06/15) 2515 (12/12/16)	164	164															164			1

[illegible]

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ước trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm với ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021 - 2025				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	Trong đó: NSTW	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	Trong đó: NSTW	Tổng số giải ngân 2021-2025	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025				
3	- Nâng cấp hệ thống thủy lợi tỉnh Nam Định thích ứng biến đổi khí hậu"; sử dụng vốn vay của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB)			403.840	403.840												-	-	-	-	1		
4	- Xây dựng cầu Ninh Cường vượt sông Ninh Cơ trên Quốc lộ 37B (Dự án do Bộ GTVT làm chủ đầu tư, tỉnh Nam Định đối ứng phần GPMB)			55.119	55.119												-	-	-	-	1		
E	VỐN HỖ TRỢ XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN TP NAM ĐỊNH			1.257.641	107.000			84.779	46.000		-			604.909	79.000		28.000	28.000	28.000	-	3		
1	- Xây dựng khu đô thị mới phía Nam sông Đào, thành phố Nam Định	UBND Thành phố Nam Định	1819 (27/8/18) 3131 (30/1/2020)	779.997	35.000	-		-	-		-			166.921	20.000		15.000	15.000	-	-	1		
2	- Xây dựng mới Trường tiểu học chất lượng cao tại khu đô thị Hòa Vương, thành phố Nam Định	UBND Thành phố Nam Định	1637 (09/08/16) 1701 (15/7/20)	85.481	46.000	-		84.779	46.000		-			80.870	43.000		3.000	3.000	-	-	1		
3	- Xây dựng tuyến đường trục trung tâm phía Nam thành phố Nam Định (đoạn nối từ tỉnh lộ 490C đến vị trí giao với đường dẫn cầu Tân Phong)	UBND Thành phố Nam Định	1768 (29/8/2016) 1408 (08/7/19) 3129 (30/12/20)	392.163	26.000	-		-	-		-			357.118	16.000		10.000	10.000	-	-	1		
G	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ, GPMB VÀ XD CB KHÁC (Bổ từ từ các khoản tăng thu, từ kế chi NSNN... của tỉnh. Trong đó có dự phóng vốn bổ từ dự án trả lại vay, phí của các dự án ODA phát sinh trong các năm 2022 - 2025)			-	-	-		-	-		-			-	-		250.000	-	250.000	250.000	-		
H	BỔ TRÍ VỐN CHO CÁC DỰ ÁN TRONG ĐIỂM			8.483.159	8.221.164	261.995		271.228	9.233	261.995	-	150.000	150.000	146.295	34.300	111.995	5.000.000	100.000	100.000	4.900.000	4		
c	Các công trình chuyển tiếp			1.467.322	1.205.327	261.995		271.228	9.233	261.995	-	150.000	150.000	146.295	34.300	111.995	600.000	100.000	100.000	500.000	1		
1	- Xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	377 (27/2/2016) 2735 (20/1/2019) 2170 (01/9/20)	1.467.322	1.205.327	261.995	2450 (22/12/14) 1831 (04/8/19) 1461 (19/7/19)	271.228	9.233	261.995	-	150.000	150.000	146.295	34.300	111.995	600.000	100.000	100.000	500.000	1		
d	Các công trình dự kiến khởi công mới			7.015.837	7.015.837	-		-	-		-			-	-		4.400.000	-	4.400.000	4.400.000	3		
1	- Xây dựng mới Trường THPT chuyên Lê Hồng Phong, tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	TB95 (28/5/20)	770.837	770.837												300.000			300.000	1		
2	- Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quan - Đường bộ ven biển	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	TB141 (04/8/21) 356-TB/TU (12/11/21) 893/UBND-VPS (17/11/21)	5.995.000	5.995.000												4.000.000			4.000.000	1		

Số TT	Danh mục dự án	Chưa đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vón bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025			Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh NSTW				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh NSTW						
3	- Các dự án chuyển đổi số thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 15/10/2021 của Tỉnh ủy			250.000	250.000												100.000		100.000	1		
K	BỘ TRƯỞNG CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC CÒN LẠI			6.056,186	3.708,604	2.079,581											1.752,442	400,217	1.352,225	141		
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			3.654,080	2.029,501	1.464,836											598,285	293,840	304,445	84		
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			1,925,136	1,025,325	817,986											228,269	228,269	-	37		
a.2	Các công trình đã quyết toán đến 31/12/2020 còn thiếu vốn			1,338,531	704,081	569,427											207,826	50,191	157,635	28		
a.3	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn			390,413	300,095	77,423											162,190	15,380	146,810	19		
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			1,028,785	616,338	393,545											238,241	27,144	211,097	15		
c	Các công trình chuyển tiếp			1,372,049	1,061,493	221,200											715,505	79,233	636,272	42		
d	Các công trình dự kiến khởi công mới và các khoản hỗ trợ khác phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh			1,272	1,272	-											200,411	-	200,411	-		
	Chi tiết như sau:			-	-	-											-	-	-	-		
I	QUY HOẠCH			8,579	8,579	-											4,000	4,000	-	2		
c	Các công trình chuyển tiếp			8,579	8,579	-											4,000	4,000	-	2		
1	- Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Nghĩa Hưng - Ý Yên đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070	Sở Xây dựng	937 (29/4/21)	4,427	4,427	-											2,000	2,000	-	1		
2	- Quy hoạch xây dựng vùng liên huyện Hải Hậu - Giao Thủy đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070	Sở Xây dựng	936 (29/4/21)	4,152	4,152	-											2,000	2,000	-	1		
II	KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ			149,587	149,587	-											35,199	4,380	30,819	5		
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			63,580	63,580	-											22,471	2,800	19,671	1		
a.2	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn			63,580	63,580	-											22,471	2,800	19,671	1		
	- Đầu tư xây dựng trại thực nghiệm công nghệ cao giống gia súc gia cầm đặc sản Hải Sơn	TT giống gia súc, gia cầm tỉnh ND	2890 (09/12/16) 289 (04/2/21)	63,580	63,580	-											22,471	2,800	19,671	1		
1																				1		
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			41,109	41,109	-											12,728	1,580	11,148	3		

Số TT	Danh mục dự án	Chịu đầu tư	Quyết định đầu tư				Giá trị quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lũy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025			Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	NSTW				
1	- Xây dựng Trạm giống cây lâm nghiệp tại xã Nam Cường, huyện Nam Trực	Sở NN&PTNT (06/8/21)	244 (30/10/15) 1659 (06/8/21)	28.235	28.235	28.235										22.080	930	5.224	1			
2	- Xây dựng Sân giao dịch công nghệ, thiết bị và hỗ trợ khởi nghiệp tỉnh Nam Định	Sở KH&CN (29/12/17)	3117 (29/12/17)	5.596	5.596											3.300	300	1.996	1			
3	- Cải tạo, sửa chữa tòa nhà 9 tầng thuộc sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Nam Định	Sở KH&CN (22/01/18) 332 (18/02/20)	152 (22/01/18) 332 (18/02/20)	7.278	7.278	7.278										3.000	350	3.928	1			
c	Các công trình chuyển tiếp			44.898	44.898	44.898										44.898			1			
1	- Dự án thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 09/6/2016 của Tỉnh ủy về đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh, xúc tiến và thu hút đầu tư giai đoạn 2016-2020 (Dự án do thị trường mình)			44.898	44.898											44.898			1			
III	GIÁO DỤC (C. ĐÀO TẠO VÀ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP			192.970	170.970											116.726	94.726		14			
a	Các công trình đã có QP phê duyệt quyết toán			148.643	126.643											96.746	74.746		10			
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			14.979	10.579											12.220	7.820		1			
1	- Xây dựng nhà đa năng, nhà công vụ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Vũ Văn Hiếu, huyện Hải Hậu	THPT Vũ Văn Hiếu (29/10/18) 2650 (26/11/18)	3006 (31/12/19)	14.979	10.579											12.220	7.820		1			
a.2	Các công trình đã quyết toán đến 31/12/2020 còn thiếu vốn			89.131	75.931											58.406	45.206		6			
1	- Xây dựng nhà đa năng, cải tạo nâng cấp 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Văn Bảo, huyện Nam Trực	THPT Trần Văn Bảo (09/9/18) 2650 (26/11/18)	951 (20/4/20)	14.853	10.453											8.570	4.170		1			
2	- Xây dựng nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Khuyến, thành phố Nam Định	THPT Nguyễn Khuyến (28/5/18) 2650 (26/11/18)	1099 (28/5/18) 2650 (26/11/18)	14.488	10.088											11.300	6.900		1			
3	- Sửa chữa, cải tạo Trung tâm đào tạo vận động viên tỉnh Nam Định	Sở VH TT &DL (13/9/18) 226 (30/01/20)	997 (13/9/18) 226 (30/01/20)	14.845	14.845											12.635	1.900		1			
4	- Xây dựng nhà học bộ môn, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lý Nhân Tông, huyện Yên Yên	Trường THPT Lý Nhân Tông (29/10/18) 2650 (26/11/18)	2386 (29/10/18) 2650 (26/11/18)	14.959	10.559											8.821	4.421		1			
5	- Xây dựng nhà 3 tầng 21 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Hoàng Văn Thụ, huyện Vụ Bản	THPT Hoàng Văn Thụ (27/8/18)	1816 (27/8/18)	14.994	14.994											13.430	13.430		1			

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025	Số dự án																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		Trong đó:	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh			NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bố trí từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025			Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NS tỉnh	NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW			
3	- Xứ lý cấp bách hư hỏng mái dè Phố Văn xã Hải Ninh, K39+000 - K39+500 dè tá Ninh - Hải Hậu do bão số 10 tháng 9 năm 2017 gây ra	Sở NN&PTNT	1074 (25/5/18)	8,000	2,000	6,000	105QD-STC (24/9/19)	7,523	1,523	6,000	-	-	6,600	600	6,000	923	923	-	1			
4	- Xứ lý cấp bách một số sự cố xảy ra do đợt mưa, lũ tháng 10 năm 2017 trên tuyến dè hữu Ninh và dè Thanh Hương, dè biển huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	1572 (26/12/18)	11,836	2,836	9,000	2092 (27/9/19)	11,126	2,126	9,000	-	-	10,072	1,072	9,000	1,054	1,054	-	1			
5	- Nạo vét đoạn kênh tiêu T3 từ cầu Ôc đến bãi xe Đền Trần thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành	CTY TNHH ITV KTCCTL Mỹ Thành	73 (14/01/19)	4,988	4,988		160QD-STC (21/11/19)	4,706	4,706		-	-	2,460	2,460	-	2,246	2,246	-	1			
6	- Xứ lý cấp bách mái dè phía sông đoạn K7+150 đến K7+190 và đoạn K14+500 đến K16+000 dè hữu Đáy; Hoàn thiện gàu có mặt dè bê tông đoạn từ K0+700 đến K4+500 tuyến dè Đông Tâm, huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	773 (12/4/18) 1202 (10/6/19)	14,900	6,900	8,000	2737 (09/12/19)	14,678	6,773	7,905	-	-	13,241	5,336	7,905	1,437	1,437	-	1			
7	- Củng cố hóa mặt dè bãi sông Đáy xã Yên Trị, Yên Đổ và Yên Nhân, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	301 (23/12/17)	41,093	20,547		2994 (30/12/19)	39,847	19,923		-	-	18,350	2,350	-	17,573	17,573	-	1			
8	- Nâng cấp hệ thống công trình phòng chống lụt bão dè hữu sông Hồng và dè tá sông Đáy, thành phố Nam Định; Hoàn công trình: Xứ lý khẩn cấp kẻ Tam Phú - Ngõ Xá (đoạn từ K165+800 đến K166+500) hữu Hồng và Kẻ Lũy tương công việc hoàn thành; Xây lập kẻ thành phố đoạn từ K0+705-; K4+800 dè tá Đáy thành phố Nam Định	Sở NN&PTNT	1644 (27/9/11) 1393 (15/6/20) 341 (05/03/12)	76,861	25,328	51,533	2963 (27/12/19) 2964 (27/12/19)	76,861	25,328	51,533	8,379	8,379	63,791	12,258	51,533	4,691	4,691	-	1			
9	- Xứ lý cấp bách một số đoạn dè xung yếu bị sự cố do mưa, lũ tháng 10 năm 2017 xảy ra trên tuyến dè tá Đáy, huyện Ý Yên	Sở NN&PTNT	1445 (13/7/18)	14,900	1,900	13,000	983 (22/4/20)	14,116	1,116	13,000	-	-	13,600	600	13,000	516	516	-	1			
10	- Nạo vét, kiến cố 03 tuyến kênh xã Yên Phong, thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên	CTY TNHH ITV KTCCTL Ý Yên	1309 (26/6/18) 795 (06/4/19) 595 (25/3/19)	17,986	12,948		2525 (13/11/19)	17,513	12,475		-	-	5,038	-	-	12,475	12,475	-	1			
11	- Xứ lý cấp bách sự cố kẻ Cồn Ba - Cồn Tru, tuyến dè Hữu Hồng, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	2634 (21/11/18)	9,000	3,000		223QD-STC (26/12/19)	8,539	2,539		-	-	5,765	-	-	2,539	2,539	-	1			
12	- Vườn Quốc gia Xuân Thủy (Vùng lõi)	VQG Xuân Thủy	2669 (20/03/19) 2468 (23/10/09) 972 (02/02/16) 1663 (28/5/15)	163,639	-	163,639	1575 (09/9/11) 1549 (06/9/14) 223 (02/02/16) 1663 (10/7/20)	132,198	302	131,896	-	-	131,896	-	131,896	302	302	-	1			
13	- Hỗ trợ Xây dựng nhà kho được liệu HTX trồng cây được liệu xã Hải Lộc	HTX trồng cây được liệu xã Hải Lộc	45a (27/11/20)	200	200		55 (30/12/20)	200	200		-	-				200	200	-	1			
a.2	Các công trình đã quyết toán đến 31/12/2020 còn thiếu vốn			998,947	433,751	542,180	-	832,459	366,332	444,318	17,500	-	17,500	748,541	304,298	62,034	10,540	51,494	9			

Số TT	Danh mục dự án	Chưa đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trong hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025			Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh	NSTW		KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025					
1	- Nung cấp khẩn cấp một số đoạn đề kế xung yếu thuộc tuyến để biến tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	1088 (29/5/09); 426 (06/3/11) 1196 (17/11/14) 608 (22/4/15)	618,840	319,840	299,000 (29/12/17)	527,547	229,697	297,850	-	-	525,390	227,540	297,850	2,157	-	2,157	1				
2	- Xử lý khẩn cấp đề kế Kiến Chính và hệ thống mố kê giữ bãi đoạn từ K10+460 đến K11+562, thuộc tuyến để biến huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	679 (05/5/11); 729 (25/5/12) 1144 (12/6/08) 2516 (12/11/19)	288,672	52,492	236,180 (22/4/20)	216,457	76,989	139,468	17,500	-	17,500	162,540	40,572	121,968	36,417	2,740	33,677	1			
3	- Xử lý cấp bách các hư hỏng bờ bao xã Yên Bằng, huyện Ý Yên bị nước tràn làm xói mất và vỡ do lũ sông Đáy ngày 11 tháng 10 năm 2017 gây ra	Sở NN&PTNT	1446 (13/7/18)	10,000	3,000	7,000 (22/4/20)	9,492	2,492	7,000	-	-	-	7,740	740	7,000	1,752	350	1,402	1			
4	- Xử lý dứt xuất, cấp bách nút gây mất đề một số đoạn bị hư hỏng nặng trên tuyến để biến huyện Giao Thủy	Sở NN&PTNT	2349 (23/10/19)	2,000	1,550	73QP-STC (26/6/20)	1,933	1,483				450			1,483			1,483	1			
5	- Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2462 (31/10/17)	14,900	7,450	1647 (10/7/20)	14,588	7,188		-	-	11,840	4,440	-	2,748	980	1,768	1				
6	- Cải tạo, nâng cấp kênh Quy Đô B (đoạn từ KOC0 đến K2C0) thuộc hệ thống thủy nông Ý Yên, tỉnh Nam Định	CTY TNHH ITV KTCCTL Ý Yên	509 (11/3/16) 707 (07/07/17) 3691 (21/11/17) 1066 (06/5/20)	19,559	4,423	1665 (10/7/20)	18,382	4,423				12,475	2,900	-	1,523	320	1,203	1				
7	- Nạo vét, kiến cổ hóa kênh Cổ Lễ - Cát Chừ (đoạn từ cầu Diên Biên đến Ngát Kéo) thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, tỉnh Nam Định	CTY TNHH ITV KTCCTL Nam Ninh	2160 (04/10/18) 2742 (22/9/20)	14,999	14,999	2352 (22/9/20)	14,576	14,576		-	-	7,300	7,300	-	7,276	2,470	4,806	1				
8	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống công trình đầu mối phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Giao Phong, huyện Giao Thủy	UBND xã Giao Phong	1422 (09/7/19)	14,999	14,999	2621 (29/10/20)	14,606	14,606		-	-	10,800	10,800	-	3,806	830	2,976	1				
9	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng	UBND xã Nam Điền	2604 (21/11/19)	14,998	14,998	2622 (29/10/20)	14,878	14,878		-	-	10,006	10,006	-	4,872	2,850	2,022	1				
a.3	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn			146,654	68,231	77,423	139,070	60,647	77,423	-	-	93,737	15,314	77,423	45,333	4,580	40,753	4				
1	- Kiến cổ hóa kênh tưới Chính Nam Hải Bi, thuộc hệ thống thủy nông Mỹ Thành huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định	CCTY TNHH ITV KTCCTL Mỹ Thành	252 (22/1/09) 2043 (22/9/09) 3293 (30/12/09) 1332 (8/7/10)	70,745	22,202	48,543 (10/7/20) (08/02/21) 2066 (23/9/21)	64,067	15,524	48,543	-	-	52,867	4,324	48,543	11,200	300	10,900	1				

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ trợ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành		Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025		Trong đó:			
			Tổng số	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025			
2	- Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng vùng chuyên đổi muối trồng thủy sản xã Hải Chính, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	UBND xã Hải Chính	1741 (28/10/13)	45.915	17.035	28.880	458 (02/3/21)	45.499	16.619	28.880	-	-	37.870	8.990	28.880	7.629	1.380	6.249	1				
3	- Cung cấp, nâng cấp kênh C19 thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	833 (22/4/19)	14.998	13.998		2038 (22/9/21)	14.712	13.712				1.000		13.712	1.900	11.812	1					
4	- Nạo vét, kiến cố hóa kênh Sa Lung 13, kênh Phú Hào, kênh R9 xã Nam Thái thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	687 (30/3/20)	14.996	14.996		2350 (28/10/21)	14.792	14.792				2.000		12.792	1.000	11.792	1					
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			525.395	131.943	392.545	-	79.770	100	79.670	-	49.469	49.469	-	354.416	11.340	343.076	120.603	13.350	107.253	5		
1	- Chuyển đổi diện tích trồng lúa năng suất thấp sang nuôi trồng thủy sản xã Yên Nhân, huyện Yên	UBND xã Yên Nhân	864 (04/5/09)	11.004	6.451	3.646	1324QĐ-STC (14/10/11)	3.746	100	3.646		-	-	7.276	3.630	3.646	2.821	560	2.261	1			
2	- Dự án tư bổ để điều chỉnh quy hoạch năm 2014 tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	5416/QĐ-BNN-TCTL (18/12/14)	31.596	11.597	19.999						-	-	25.039	5.040	19.999	6.557	1.510	5.047	1			
3	- Xử lý cấp bách các công trình để điều của tỉnh Nam Định bị sự cố do ảnh hưởng của bão, lũ năm 2017	Sở NN&PTNT	1051 (21/5/19)	239.900	39.900	200.000						-	-	200.300	300	200.000	39.600	5.980	33.620	1			
4	- Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu và các công trình trên tuyến sông Dân thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	UBND TT Ninh Cường	684 (01/4/21)	14.999	14.999											14.999	5.000	9.999	1				
5	- Cung cấp, xử lý trong điểm tại Đáy huyện Yên	UBND huyện Yên	2926 (28/11/07)	227.896	58.996	168.900	547 (27/7/18)	76.024		76.024		49.469	49.469		121.801	2.370	119.431	56.626	300	56.326	1		
c	Các công trình chuyển tiếp			485.582	267.591	215.000	-	170.675	40.675	130.000	8.800	-	8.800	-	225.298	10.298	215.000	220.471	17.840	202.631	11		
1	- Xử lý khẩn cấp để, kế Quy Phú tương ứng K177+-990 đến K180+050 để hữu Hồng, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	Sở NN&PTNT	2747 (29/11/17)	160.000	25.000	135.000	1668 (10/7/20)	71.877	21.877	50.000	-	-	135.300	300	135.000	19.775	4.540	15.235	1				

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm với ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025			Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025			
2	- Xây dựng khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão cửa Ninh Cơ, huyện Nghĩa Hưng	Sở NN&PTNT	736 (6/4/10) 764 (07/5/15) 631/UBND-VPS (2/8/18)	214.854	134.854	80.000	1208 (02/6/17)	98.798	18.798	80.000	8.800	8.800	-	89.998	9.998	80.000	105.959	300	105,659	1		
3	- Nâng cấp tuyến đê bôỉ Yên Phúc huyện Ý Yên	Sở NN&PTNT	1333 (28/6/21)	14.991	12.000												12.000	-	12.000	1		
4	- Cải tạo, nâng cấp kênh KT2, thuộc hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng	CTY TNHH ITV KTCCTL Nghĩa Hưng	2171 (07/10/21)	14.999	14.999												9.999	-	9.999	1		
5	- Nạo vét, kiến cổ hóa kênh CB20, kênh R24-4 và kiến cổ hóa bờ hữu kênh CT25 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2209 (13/10/21)	14.998	14.998												11.998	-	11.998	1		
6	- Nạo vét, nâng cấp kênh Rộc (đoạn từ cầu Cao đến chợ Trâu) thuộc hệ thống thủy nông Hải Hậu	CTY TNHH ITV KTCCTL Hải Hậu	2173 (08/10/21)	14.993	14.993												9.993	-	9.993	1		
7	- Xây dựng công, tường bao Trung tâm phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai và một số đôn vi thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở NN&PTNT	1688 (10/8/21)	3.754	3.754												3.754	1.000	2.754	1		
8	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đê, kè từ sông Sô đoạn từ K12+724 (khu neo đầu tàu thuyền Hà Lan) đến K13+884 (K31+161) để biến huyện Giao Thủy	Sở NN&PTNT	902 (27/4/21)	12.000	12.000												12.000	3.000	9.000	1		
9	- Nạo vét, kiến cổ hóa kênh Ninh Hải (đoạn từ cống Ninh Hải 2b đến cống Ninh Hải 1c) thuộc hệ thống thủy nông Nghĩa Hưng	CTY TNHH ITV KTCCTL Nghĩa Hưng	1471 (12/7/21)	14.999	14.999												14.999	2.000	12.999	1		
10	- Nạo vét, kiến cổ hóa kênh An Lã 11B thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2159 (06/10/21)	4.996	4.996												4.996	2.000	2.996	1		
11	- Nạo vét, kiến cổ hóa kênh Sa Lung và kênh R7 thuộc hệ thống thủy nông Nam Ninh, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	2160 (06/10/21)	14.998	14.998												14.998	5.000	9.998	1		
V	GIAO THỐNG			1.983.910	1.343.031	536,224	-	1.481.901	994,291	469,170	7,500	7,500	-	1.494,230	973,338	470,170	370,660	136,054	234,066	28		
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			1,350,994	790,483	535,224	-	1,292,395	804,785	469,170	7,500	7,500	-	1,104,181	621,052	469,170	170,398	124,524	45,874	18		
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			1,274,104	718,090	535,224	-	1,218,379	735,193	469,170	7,500	7,500	-	1,084,209	605,380	469,170	116,264	116,264	-	12		

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025			Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số giải đoạn 2021-2025	Trong đó: KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025			
1	- Cải tạo, nâng cấp đường Vân Nam, huyện Hải Hậu	UBND huyện Hải Hậu	1263 (08/6/17) 2371 (14/3/18)	13.735	13.735		1075 (24/5/19)	12.785	12.785		-	-	-	6.590	6.590	-	6.195	6.195	-	1		
2	- Cải tạo, nâng cấp đường Trung Hòa, huyện Hải Hậu - Giai đoạn II	UBND huyện Hải Hậu	2371 (10/11/10) 208 (01/2/16) 1795 (23/8/18) 2368 (26/10/18)	50.963	50.963		987 (14/5/19)	50.963	50.963		-	-	-	28.971	28.971	-	21.992	21.992	-	1		
3	- Cải tạo, nâng cấp đường Xuân Thủy - Nam Diễn, huyện Xuân Trường (đoạn từ Km0+000 đến Km2+600)	UBND Huyện Xuân Trường	1862 (31/8/18)	10.764	3.229		2258 (14/10/19)	10.158	2.623		-	-	-	8.679	1.144	-	1.479	1.479	-	1		
4	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Trục Ninh (đoạn từ cầu Gai đến chợ Gai)	UBND huyện Trục Ninh	2323 (16/10/17) 2047 (19/9/18)	14.900	14.900		2257 (14/10/19)	14.751	14.751		-	-	-	6.750	6.750	-	8.001	8.001	-	1		
5	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ cầu Vĩnh Từ đến nhà văn hóa thôn An Song xã Yên Tân, huyện Yên Yên	UBND huyện Yên Yên	1949 (07/9/18)	9.995	9.995		150/QĐ-STC (12/11/19)	9.742	9.742		-	-	-	3.520	3.520	-	6.222	6.222	-	1		
6	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trung Đông - Trục Tuấn, huyện Trục Ninh	UBND huyện Trục Ninh	1981 (31/10/14) 1150 (05/6/18)	42.632	42.632		2562 (18/11/19)	37.590	37.590		-	-	-	15.579	15.579	-	22.011	22.011	-	1		
7	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Liên Bảo, huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	667 (29/3/18) 2761 (06/12/18)	14.995	14.995		2563 (18/11/19)	14.868	14.868		-	-	-	5.150	5.150	-	9.718	9.718	-	1		
8	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải, huyện Trục Ninh (đoạn từ cổng chợ Sứ đến Trĩ 10+488B và tuyến nhánh)	UBND huyện Trục Ninh	1676 (09/8/18)	9.988	9.988		181/QĐ-STC (29/11/19)	9.670	9.670		-	-	-	3.550	3.550	-	6.120	6.120	-	1		
9	- Xây dựng hạ tầng 02 khu tái định cư xã Nam Mỹ, huyện Nam Trục phục vụ công tác GPMB dự án xây dựng tuyến đường bộ nối QL10 với QL21 và cầu Tân Phong vượt sông Đào - QL21B (phía đông Nam Tp Nam Định), tỉnh Nam Định	UBND huyện Nam Trục	2149 (23/10/15) 2476 (20/11/15) 1328 (27/6/16)	17.134	10.500		2886 (20/12/19)	15.919	15.919		7.500	7.500	-	3.890	3.890	-	4.529	4.529	-	1		
10	- Cải tạo, nâng cấp đường Vàng, huyện Nam Trục	UBND huyện Nam Trục	758 (17/4/09) 165 (21/01/14) 208 (26/01/18)	139.719	730		1514 (20/7/18)	139.166	20.008	119.034	-	-	-	122.088	2.930	119.034	17.078	17.078	-	1		

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSĐP giai đoạn 2021-2025		Số dự án	
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NS tỉnh
			2648 (12/12/08) 1066 (27/5/09) (75/12) 1302 (10/9/12) 1287 (21/7/14)	936,284	539,925	396,359	890,061	539,925	350,136					877,442	527,306	350,136			12,619	-	1	
11	- Mở rộng, nâng cấp tỉnh lộ 490C2 (đường 55 cũ) đoạn từ S2 đến Nam Diễn (Km3+540 đến Km5+500) và đoạn từ Km40 đến phố Thành Long, tỉnh Nam Định	Sở GTVT																				
12	- Cầu tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão xã Bạch Long, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	957 (20/4/20)	12,995	6,498		12,697	6,349						2,000	-	-	300	300	-	-		1
a.2	Các công trình đã quyết toán đến 31/12/2020 còn thiếu vốn			58,065	53,568	-	56,038	51,605	-					15,972	11,672	-	39,933	7,660	32,273	4		
1	- Cầu tạo, nâng cấp tuyến đường cứu hộ và phòng chống lụt bão xã Giao Tiến, xã Giao Tân ra đê tả sông Sô, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2395 (29/10/18) 476 (11/3/19)	14,990	10,493		14,777	10,344						7,402	3,102	-	7,242	1,660	5,582		1	
2	- Cải tạo, nâng cấp đường nối từ Khu công nghiệp Mỹ Trung đến QL38B, huyện Mỹ Lộc	UBND huyện Mỹ Lộc	2336 (24/10/18)	14,992	14,992		14,854	14,854						2,900	2,900	-	11,954	2,400	9,554		1	
3	- Xây dựng cầu Gai trên đường Nam Ninh Hải, huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	1503 (19/7/18)	13,316	13,316		12,557	12,557						3,370	3,370	-	9,187	1,850	7,337		1	
4	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 37B đến cụm công nghiệp Thịnh Lâm, huyện Giao Thủy	UBND huyện Giao Thủy	2007 (20/9/19) 1460 (19/6/20)	14,767	14,767		13,850	13,850						2,300	2,300	-	11,550	1,750	9,800		1	
a.3	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn			18,825	18,825	-	17,987	17,987	-					4,000	4,000	-	14,201	600	13,601	2		
1	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Nghĩa Thịnh đoạn từ chợ Hải Lạng đến sông Thanh Đông, huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	1244 (25/5/20)	9,826	9,826		9,202	9,202						2,000	2,000	-	7,202	300	6,902		1	
2	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ đường trục vùng nuôi trồng thủy sản xã Nghĩa Bình, huyện Nghĩa Hưng đến tuyến đường trục phát triển nổi Vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	1989 (13/8/20) 487 (02/3/21)	8,999	8,999		8,785	8,785						2,000	2,000	-	6,999	300	6,699		1	
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			201,924	190,424	1,000	-	-	-					154,903	152,640	1,000	37,784	1,760	36,024	3		
1	- Cải tạo, nâng cấp Tỉnh lộ 485 (57A cũ) đoạn chợ Huyện - Phú Cầu - Cổ Đàm huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	UBND huyện Ý Yên	2273 (29/10/10) 1018 (24/6/13) 2075 (26/11/13) 2210 (05/10/16)	174,179	170,179	1,000								147,340	146,340	1,000	23,839	1,030	22,809		1	
2	- Xây dựng đường kết nối từ QL38B đến đường trục xã Yên Dương, huyện Ý Yên	UBND huyện Ý Yên	1360 (28/6/19) 739/UBND-VP5 (05/10/21)	12,746	12,746									3,300	3,300	-	9,446	430	9,016		1	

Số TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lũy kế vốn bỏ từ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025				Số dự án																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																										
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh	NS tỉnh

Số TT	Danh mục dự án	Chưa đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025		Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:					
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NS tỉnh	NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW	NS tỉnh	NSTW	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025	
2	- Xây dựng mới nhà làm việc và các hạng mục phụ trợ Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Nam Định	Hội LHPN tỉnh ND	2193 (2/9/17)	23.267	23.267		2543 (14/11/19)	23.035	23.035		-	-	12.360	-	10.675	-	1				
3	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	449 (06/3/19)	14.188	14.188		2542 (14/11/19)	13.794	13.794		-	-	4.730	-	9.064	-	1				
4	- Cải tạo, nâng cấp, lắp đặt thiết bị nhà khách UBND tỉnh phục vụ trung tâm hành chính công tỉnh Nam Định	VP UBND tỉnh	1152 (05/6/19)	3.624	3.624		45QD-STC (31/3/20)	3.356	3.356		-	-	2.300	-	1.056	-	1				
5	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	1987 (12/8/20)	3.926	3.926		156QD-STC (30/12/20)	3.887	3.887		-	-	1.000	-	2.887	-	1				
a.2	Các công trình đã quyết toán đến 31/12/2020 còn thiếu vốn			89.308	70.018	-	-	85.725	67.070	-	-	-	49.870	34.450	32.620	5.590	5				
1	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc HĐND-UBND huyện Vụ Bản	UBND huyện Vụ Bản	1368 (02/7/18) 2064 (23/9/19)	14.934	10.454		1736 (17/7/20)	14.440	10.108		-	-	4.160	-	8.948	1.810	1				
2	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	2422 (31/01/18)	13.402	9.380		2915 (08/12/20)	12.661	8.863		-	-	4.100	-	7.723	1.250	1				
3	- Cải tạo, nâng cấp trụ sở Huyện ủy và xây dựng nhà khách huyện Nghĩa Hưng	UBND huyện Nghĩa Hưng	2423 (31/01/18)	10.992	7.694		2918 (08/12/20)	10.342	7.240		-	-	3.400	-	6.300	1.020	1				
4	- Xây dựng Trụ sở làm việc 5 tầng, các hạng mục phụ trợ Đảng ủy khối doanh nghiệp và Đảng ủy khối cơ quan tỉnh Nam Định	VP Tỉnh ủy	536 (15/3/17) 1197 (21/5/20)	35.000	35.000		2913 (08/12/20)	33.435	33.435		-	-	31.210	-	2.225	370	1				
5	- Cải tạo, nâng cấp Nhà văn hóa trung tâm huyện, hệ thống hạ tầng kỹ thuật trụ sở Huyện ủy Mỹ Lộc và các hạng mục phụ trợ	UBND huyện Mỹ Lộc	351 (21/02/20)	14.980	7.490		3162 (31/12/20)	14.847	7.424		-	-	7.000	-	7.424	1.140	1				
a.3	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn			21.849	14.354	-	-	21.427	14.067	-	-	-	2.000	2.000	12.067	1.000	2				
1	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc và các hạng mục phụ trợ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	1638 (09/7/20)	6.859	6.859		110QD-STC (07/7/21)	6.707	6.707		-	-	2.000	-	4.707	300	1				
2	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Huyện ủy - Nhà văn hóa huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	776 (06/4/20)	14.900	7.495		1652 (06/8/21)	14.720	7.360		-	-	-	-	7.360	760	1				
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			14.990	7.495	-	-	-	-	-	-	-	-	-	7.495	-	1				
1	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND - UBND huyện Nam Trực	UBND huyện Nam Trực	106 (14/1/21)	14.990	7.495						-	-			7.495	-	1				

Số TT	Danh mục dự án	Chưa đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025			Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giải ngân 2021-2025	Trong đó:			
				NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh	NSTW		NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	
c	Các công trình chuyển tiếp			75.400	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	15.000	15.000	-	46.400	13.213	33.247	5	
1	- Xây dựng Trung tâm phục vụ hành chính công - Trung tâm xúc tiến đầu tư và hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh Nam Định	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	1540 (30/6/20)	42.900	42.900										15.000	15.000	-	27.900	10.000	17.900	1	
2	- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở HĐND-UBND tỉnh và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	1497 (15/7/21)	14.998	14.998													7.998	500	7.498	1	
3	- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trụ sở Tỉnh ủy và các hạng mục phụ trợ	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	1617 (30/7/21)	14.995	14.995													7.995	500	7.495	1	
4	- Cải tạo, nâng cấp mạng internet, wifi và các thiết bị công nghệ thông tin thuộc trụ sở UBND tỉnh Nam Định	VP UBND tỉnh	1658 (06/8/21)	898	898													898	800	98	1	
5	- Cải tạo, sửa chữa nhà để xe và xây dựng nhà tiếp nhận, bảo quản quai ứng, hàng viện trợ cho người có công và đối tượng bảo trợ xã hội	Sở Lao động Thương binh và xã hội	2334 (28/02/21)	1.669	1.669													1.669	1.413	256	1	
d	Các công trình dự kiến khởi công mới				1.272	1.272	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.272	-	1.272	-	
1	- Cải tạo, nâng cấp một số hạng mục công trình Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	2495 (18/11/21)	1.272	1.272																1.272	
VII	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			144.155	139.155	-	-	-	121.695	126.695	-	-	-	-	89.266	88.766	-	41.915	6.723	35.192	5	
a	Các công trình đã có QP phê duyệt quyết toán			135.169	130.169	-	-	-	121.695	126.695	-	-	-	-	89.266	88.766	-	32.929	4.723	28.206	4	
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			80.524	80.524	-	-	-	78.433	78.433	-	-	-	-	76.820	76.820	-	1.613	1.613	-	1	
1	- Xây dựng Nhà điều trị 7 tầng và các hạng mục phụ trợ Bệnh viện mắt tỉnh Nam Định	BV Mắt tỉnh ND	1397 (12/8/14)	80.524	80.524			2423 (31/10/19)	78.433	78.433			-	-	76.820	76.820	-	1.613	1.613	-	1	
a.2	Các công trình đã quyết toán đến 31/12/2020 còn thiếu vốn			14.942	9.942	-	-	-	14.612	9.612	-	-	-	-	3.100	2.600	-	7.012	1.110	5.902	1	
1	- Xây dựng nhà kỹ thuật nghiệp vụ và phụ trợ Trung tâm Y tế huyện Xuân Trường	Ban QLDA ĐTXD tỉnh Nam Định	1400 (05/7/19)	14.942	9.942			3161 (31/12/20)	14.612	9.612			-	-	3.100	2.600	-	7.012	1.110	5.902	1	
3	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn			39.703	39.703	-	-	-	33.650	33.650	-	-	-	-	9.346	9.346	-	24.304	2.000	22.304	2	

[illegible]

Số TT	Danh mục dự án	Chưa đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bố trí từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		NS tỉnh	NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025		
c	Các công trình chuyển tiếp			18.487	18.487	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	18.487	4.000	14.487	2		
1	- Sửa chữa, cải tạo mặt sân cỏ Sân vận động Thiên Trường phục vụ Seagames 31	Số VH TT&DL	875 (23/4/21)	3.488	3.488													3.488	2.000	1.488	1		
2	- Các hạng mục phục vụ Sea games 31	Số VH TT&DL	1635 (04/8/21)	14.999	14.999													14.999	2.000	12.999	1		
X	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN			32.931	7.880	-	30.197	7.765	-	-	-	25.052	2.620	-	-	6.145	2.561	-	-	6.145	2.561	3.584	2
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			32.931	7.880	-	30.197	7.765	-	-	-	24.052	1.620	-	-	6.145	2.561	-	-	6.145	2.561	3.584	2
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			27.932	2.881	-	25.313	2.881	-	-	-	23.052	620	-	-	2.261	2.261	-	-	2.261	2.261	-	1
1	- Mua sắm nâng cấp trang thiết bị kỹ thuật cho Trung tâm Phát thanh - Truyền hình tỉnh Nam Định	Đã PTHH	2442 (28/01/16) 122 (13/01/17)	27.932	2.881		25.313	2.881				23.052	620	-	-	2.261	2.261	-	-	2.261	2.261	-	1
a.3	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn			4.999	4.999	-	4.884	4.884	-	-	-	1.000	1.000	-	-	3.884	3.00	-	-	3.884	3.00	3.584	1
1	- Cải tạo, nâng cấp và sửa chữa Trung tâm kỹ thuật Phát thanh và Truyền hình tỉnh Nam Định	Đã PTHH	1926 (04/8/20) 2419 (30/9/20)	4.999	4.999		4.884	4.884				1.000	1.000	-	-	3.884	3.00	-	-	3.884	3.00	3.584	1
XI	QUỐC PHÒNG			415.280	415.280	-	57.266	57.266	-	-	-	201.227	201.227	-	-	283.161	41.806	-	-	283.161	41.806	241.355	10
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			58.158	58.158	-	57.266	57.266	-	-	-	23.401	23.401	-	-	33.865	11.162	-	-	33.865	11.162	22.703	4
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			13.171	13.171	-	12.922	12.922	-	-	-	5.930	5.930	-	-	6.992	6.992	-	-	6.992	6.992	-	1
1	- Xây dựng trạm kiểm soát Biên phòng Hà Lan thuộc Đoàn Biên phòng Quất Lâm (88), Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh	1388 (04/7/18) 1011 (16/5/19)	13.171	13.171		12.922	12.922				5.930	5.930	-	-	6.992	6.992	-	-	6.992	6.992	-	1
a.2	Các công trình đã quyết toán đến 31/12/2020 còn thiếu vốn			14.990	14.990	-	14.657	14.657	-	-	-	8.171	8.171	-	-	6.486	1.750	-	-	6.486	1.750	4.736	1
1	- Xây mới nhà ăn, nhà bếp, khán đài và cải tạo nâng cấp nhà ở Đại đội Trinh sát thuộc Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	834 (22/4/19)	14.990	14.990		14.657	14.657				8.171	8.171	-	-	6.486	1.750	-	-	6.486	1.750	4.736	1
a.3	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn			29.997	29.997	-	29.687	29.687	-	-	-	9.300	9.300	-	-	20.387	2.420	-	-	20.387	2.420	17.967	2
1	- Cải tạo và xây dựng một số hạng mục Đại đội huấn luyện, cơ động thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh	2213 (09/10/19)	14.999	14.999		14.962	14.962				2.300	2.300	-	-	12.662	2.120	-	-	12.662	2.120	10.542	1

Số TT	Danh mục dự án	Chưa đầu tư	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025			Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW	Tổng số giai đoạn 2021-2025	KH năm 2021 để giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025			
2	- Xây mới và cải tạo, nâng cấp các hạng mục công trình thuộc cơ quan Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1990 (13/8/20) 2119 (01/10/21) 1142 (31/5/21)	14.998	14.998		2119 (01/10/21)	14.725	14.725							7.000	7.000			300	7.425	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán																					
1	- Cải tạo, nâng cấp khẩn cấp tuyến đường phòng chống lụt bão, đảm bảo an ninh quốc phòng từ QL38B đến đường Chờ Lờ - Đai Thẳng đi về hữu Đáo tỉnh Nam Định	UBND huyện Vụ Bản	1768A (7/10/14) 1197 (01/6/17)	219.691	219.691											168.526	168.526			9.834	51.165	1
c	Các công trình chuyển tiếp																					
1	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp doanh trại Trung đoàn 180 thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	2422 (31/10/19) 1524 (20/7/21)	22.978	22.978											2.300	2.300			1.290	20.678	1
2	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp doanh trại Kho vũ khí đạn Gôi thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Nam Định	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1357 (10/6/20)	14.990	14.990											2.000	2.000			520	12.990	1
3	- Công trình quốc phòng (Mật danh: STN-ND-20)	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	76 (13/7/20)	69.465	69.465											5.000	5.000			15.000	64.465	1
4	- Xây mới, nâng cấp doanh trại Ban Chỉ huy Quân sự huyện Xuân Trường, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Nam Định	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	1452 (08/7/21)	14.999	14.999															2.000	14.999	1
5	- Xây mới, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục Đồn Biên phòng Ba Lạt (84) thuộc Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Nam Định	Bộ chỉ huy BĐBP tỉnh	1499 (15/7/21)	14.999	14.999															2.000	14.999	1
d	Các công trình dự kiến khởi công mới																					
1	- Bổ trí cho các công trình đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng, khu vực phòng thủ tỉnh																					
2	- Bổ trí cho các công trình đảm bảo nhiệm vụ biên phòng, khu vực biên giới biển																					
XII	AN NINH TRẬT TỰ, AN TOÀN XÃ HỘI			135.703	135.703			69.420	69.420		36.047	36.047								29.217	148.263	5
a	Các công trình đã có QĐ phê duyệt quyết toán			70.813	70.813			69.420	69.420		30.247	30.247								27.817	39.173	3
a.1	Các công trình đã quyết toán đã thanh toán hết trong KH 2021			13.999	13.999			13.616	13.616		3.090	3.090								10.526	10.526	1

Số TT	Danh mục dự án	Chức vụ đầu tư	Quyết định đầu tư				Giá trị quyết toán				Ứng trước vốn NSNN đến hết năm 2020 chưa thu hồi				Lấy kế vốn bổ trợ từ KC đến hết KH năm 2020 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSDP giai đoạn 2021-2025				Số dự án
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số giai đoạn 2021-2025	Trong đó:		KH năm 2021 đã giao	Còn lại giai đoạn 2022-2025				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh		NS tỉnh	NS tỉnh									
1	- Xây dựng các hạng mục phụ trợ của Trung tâm chi huy, cơ sở làm việc khối an ninh và trực thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	2676 (29/11/08)	13.999		2990 (30/12/19)	13.616	13.616	44.941	44.941	44.183	-	-	-	3.090	3.090	-	10.526	-	-	1		
a.2	Các công trình đã quyết toán đến 31/12/2020 còn thiếu vốn			44.941			44.183	44.183	44.941	44.183	44.183	-	-	-	16.157	16.157	-	28.026	17.291	10.735	1		
1	- Nhà làm việc phòng chống phân động - khuông bố, Nhà làm việc phòng an ninh chính trị nội bộ, Nhà huấn luyện võ thuật quân sự và sân đấu kendo - thể thao Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	2466 (31/10/16) 2415 (30/9/20) 3032 (21/12/20)	44.941		2415 (31/10/19) 2118 (01/10/21)	44.183	44.183	44.941	44.183	44.183	-	-	-	16.157	16.157	-	28.026	17.291	10.735	1		
a.3	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn			11.873			11.621	11.621	11.873	11.621	11.621	-	-	-	11.000	11.000	-	621	-	621	1		
1	- Bổ sung khối lượng nhà làm việc 10 tầng, hạ tầng kỹ thuật và tăng thiết bị nội thất Trung tâm chi huy, cơ sở làm việc khối An ninh và trực thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	2821 (23/12/15)	11.873		2114 (01/10/21)	11.621	11.621	11.873	11.621	11.621	-	-	-	11.000	11.000	-	621	-	621	1		
c	Các công trình chuyển tiếp			64.890					64.890	64.890		-	-	-	5.800	5.800	-	59.090	1.400	57.690	2		
1	- Xây dựng trung tâm cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại khu vực huyện Nghĩa Hưng	Công an tỉnh	2483 (05/11/08) 2009 (17/9/21)	19.990					19.990	19.990		-	-	-	3.800	3.800	-	16.190	1.100	15.090	1		
2	- Xây dựng Nhà làm việc phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, hình sự, văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra và các hạng mục phụ trợ thuộc Công an tỉnh Nam Định	Công an tỉnh	1978 (11/8/20)	44.900					44.900	44.900		-	-	-	2.000	2.000	-	42.900	300	42.600	1		
d	Các công trình dự kiến khởi công mới											-	-	-			-	50.000		50.000	-		
1	- Bổ trí cho các công trình đảm bảo nhiệm vụ an ninh chính trị, trật tự và an toàn xã hội											-	-	-			-	50.000		50.000			
XIII	MỐI TRƯỞNG			19.732			8.013	8.013	19.732	19.732	8.013	-	-	-	18.200	18.200	-	7.745	620	7.125	2		
a	Các công trình đã có QP phê duyệt quyết toán			8.400			8.013	8.013	8.400	8.400	8.013	-	-	-	6.600	6.600	-	1.413	320	1.093	1		
a.2	Các công trình đã quyết toán từ 01/01/2021 đến 31/10/2021 còn thiếu vốn			8.400			8.013	8.013	8.400	8.400	8.013	-	-	-	6.600	6.600	-	1.413	320	1.093	1		
1	- Xây dựng tường rào tại xã Mỹ Thành thuộc dự án mở rộng khu xử lý rác thải thành phố Nam Định	Sở TNMT	2158 (02/10/08) 1609 (06/7/20)	8.400		126.000.000 (10/8/21)	8.013	8.013	8.400	8.400	8.013	-	-	-	6.600	6.600	-	1.413	320	1.093	1		
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán			11.332					11.332	11.332		-	-	-	6.600	6.600	-	6.332	300	6.032	1		
1	- Xây dựng các hạng mục xử lý môi trường làng nghề Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực (Giai đoạn I)	UBND huyện Nam Trực	2416 (02/10/20)	11.332					11.332	11.332		-	-	-	5.000	5.000	-	6.332	300	6.032	1		
XIV	DU LỊCH			75.135			8.550	40.140	75.135	75.135	8.550	-	-	-	40.242	40.242	-	24.746	8.548	16.198	2		

Phụ lục IV.b

DANH MỤC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TRUNG HẠN TỪ NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TẠI CÁC KHU ĐÔ THỊ, KHU (ĐIỂM) DÂN CƯ TẬP TRUNG, KHU TÁI ĐỊNH CƯ, KHU ĐẤT GIAO CHO NHÀ ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Đơn vị: Triệu đồng												
TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)			
	TỔNG SỐ	-	21,206,328	20,307,468	-	908,618	828,512	3,390,603	2,729,944	19,835,920	840,176	353
I	THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH	-	7,525,715	7,108,982	-	298,407	260,995	1,463,556	875,359	5,477,966	250,363	36
1	Dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu tái định cư		3,111,645	2,848,619	-	187,411	187,411	999,339	564,848	1,752,492	199,257	18
a	Các công trình đã quyết toán		206,541	206,541	-	187,411	187,411	186,523	186,523	888	666	2
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		95,683	95,683	-	81,608	81,608	80,942	80,942	666	666	1
	- Khu tái định cư Đồng Quyết (GPMB QL10 GPĐ 2)	3052 (22/11/04) 1683 (22/8/2008)	95,683	95,683	1678 (27/8/15)	81,608	81,608	80,942	80,942	666	666	1
a.2	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn	-	110,858	110,858	-	105,803	105,803	105,581	105,581	222	-	1
	- Khu tái định cư Văn hóa Trần	1499 (17/9/13)	110,858	110,858	1448 (19/8/14)	105,803	105,803	105,581	105,581	222	-	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn		868,579	793,403	-	-	-	496,641	249,900	31,354	5,378	5
	- Khu Tái định cư Phúc Trọng Bãi Viên	191 (25/01/11)	541,762	541,762				310,546	131,982	3,399	-	1
	- Khu Tái định cư Đồng đồng mạc	1176 (24/5/2004) 572 (06/4/2015) 38 (31/8/2020)	57,364	55,329				49,564	49,529	5,800		1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Khu ĐTM Tây đông mạc - thành phố Nam Định	2488 (25/9/2003) 2384 (19/10/2007) 2856 (14/9/2010) 39 (31/8/2020)	71,366	40,224				53,348	27,206	13,018		1
	- Xây dựng hạ tầng khu TĐC khu vực hồ Bà Trảng	1630 (16/10/2013) 25 (10/01/2019)	53,779	53,779				27,161	27,161	3,759		1
	- Khu Tái định cư Cửa Nam	297 (27/02/13)	144,308	102,308				56,022	14,022	5,378	5,378	1
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn	-	1,386,526	1,198,676	-	-	-	316,176	128,426	1,070,250	193,213	5
	- Xây dựng khu đô thị mới phía Nam Sông Đào, thành phố Nam Định	1819 (27/8/2018) 3131 (30/12/20)	779,996	639,156				206,878	66,038	573,118	131,000	1
	- Xây dựng đường Lưu Hữu Phước kéo dài (Đoạn từ đường Thanh Bình đến khu đô thị Mỹ Trung) và khu tái định cư Liên Hà 1, phường Lộc Hà, thành phố Nam Định	412 (02/3/20)	107,313	106,513				40,800	40,000	66,513	24,100	1
	- Xây dựng khu tái định cư phường Lộc Vương (khu vực Trường Đại học Lương Thế Vinh), phường Lộc Vương, thành phố Nam Định	152 (18/01/21)	106,400	106,200				200	-	106,200	15,000	1
	- Đường từ đường Đông A đến đường Trường Chinh và khu tái định cư hồ Hàng Nạn	1258 19/6/2009	117,371	71,461				68,298	22,388	49,073	113	1
	- Xây dựng khu đô thị đường Nguyễn Công Trứ, phường Lộc Vương, thành phố Nam Định	72/NQ-HĐND (08/12/20)	275,446	275,346					-	275,346	23,000	1
d	Các công trình khởi công mới		650,000	650,000	-	-	-	-	-	650,000	-	6
	- Khu dân cư tập trung Vạn Diệp, xã Nam Phong	TB237 (12/11/21)	260,000	260,000					-	260,000	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Khu dân cư tập trung Lương Xá, phường Lộc Hòa	TB236 (12/11/21)	200.000	200.000						200.000	-	1
	- Khu dân cư tập trung Đông Phong - Dịch Lễ, xã Nam Phong và xã Nam Văn	TB235 (12/11/21)	190.000	190.000						190.000	-	1
	- Khu đô thị mới Phú Ốc		-	-						-	-	1
	- Khu đô thị mới Nam Văn		-	-						-	-	1
	- Khu thương mại tái định cư Phúc Tân (1ha)		-	-						-	-	1
2	Các công trình tính quyết định đầu tư		4.414.070	4.260.363	-	110.996	73.584	464.217	310.510	3.725.473	51.105	18
a	Các công trình đã quyết toán	-	119.433	82.021	-	110.996	73.584	90.422	53.010	20.573	18.505	5
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021	-	75.071	50.619	-	68.924	44.473	54.505	30.053	14.419	14.419	4
	- Xây dựng đơn nguyên 2 trường THCS Lương Thế Vinh - TPND	4423 (08/9/2017)	14.900	13.500	4059 (31/10/2019)	14.646	13.246	7.900	6.500	6.746	6.746	1
	- Xây dựng trường mầm non Hướng Dương tại phường Văn Miếu	1075 (04/5/2018)	13.000	8.600	5733 (30/12/2019)	12.764	8.364	8.400	4.000	4.364	4.364	1
	- Xây dựng trụ sở Đảng ủy, HĐND-UBND phường Cửa Bắc, TP Nam Định	4266 (30/8/2017)	14.166	5.216	5734 (30/12/2019)	13.654	4.704	10.550	1.600	3.104	3.104	1
	- Xây dựng đường gom Quốc lộ 10 đoạn từ Cung thể thao đến trụ sở Công an tỉnh, thành phố Nam Định	597 (27/3/2017) 1670 (09/8/2018)	33.005	23.303	1049 (17/5/2021)	27.860	18.159	27.655	17.953	205	205	1
a.2	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn		44.362	31.402		42.071	29.111	35.917	22.957	6.154	4.086	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường nối từ QL21A (Cầu Ốc) đến QL21B	2675 (03/12/2019)	44.362	31.402	2117 (01/10/2021)	42.071	29.111	35.917	22.957	6.154	4.086	1
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn	-	730.847	614.552	-	-	-	373.793	257.500	357.052	32.600	5

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng đường gom Quốc lộ 10, đoạn từ đường trục Lộc Vượng đến đường Phù Nghĩa	2301 (16/9/20) 1485 (13/7/21)	236,004	235,804				200	-	235,804	23,000	1
	- Xây dựng tuyến đường trục trung tâm phía Nam thành phố Nam Định, (đoạn nối từ Tỉnh lộ 490C đến vị trí giao với đường dẫn cầu Tân Phong)	1768 (29/8/2016) 1408 (08/7/19) 3129 (30/12/20)	392,162	288,252				353,910	250,000	38,252	-	1
	- Xây dựng, cải tạo Trường Tiểu học Phạm Hồng Thái, thành phố Nam Định	1594 (29/7/21)	35,270	35,270					-	35,270	1,100	1
	- Xây dựng trụ sở làm việc công an phường Lộc Hòa thuộc công an thành phố Nam Định	5830 (31/12/2019)	14,998	12,298				2,700	-	12,298	1,500	1
	- Xây dựng kè và đường dạo hồ Hàng Nạn	2606 (31/12/2014) 26 (10/01/2019)	52,413	42,928				16,985	7,500	35,428	7,000	1
d	Các công trình khởi công mới		3,563,790	3,563,790	-	-	-	-	-	3,347,848	-	8
	- Xây dựng đường trục phía Nam thành phố Nam Định, (đoạn từ đường Vũ Hữu Lợi đến Quốc lộ 21B)	46/NQ-HĐND (25/10/21)	1,499,000	1,499,000					-	1,499,000	-	1
	- Xây dựng cầu qua sông Đào nối từ đường Song Hào đến đường Vũ Hữu Lợi, thành phố Nam Định	45/NQ-HĐND (25/10/21)	1,200,000	1,200,000					-	1,200,000	-	1
	- Xây dựng Trường Tiểu học phường Cửa Nam tại khu đô thị mới phía Nam sông Đào, thành phố Nam Định	19/NQ-HĐND (17/7/21)	94,000	94,000					-	94,000	-	1
	- Xây dựng, cải tạo Trường tiểu học Nguyễn Viết Xuân, thành phố Nam Định	20/NQ-HĐND (17/7/21)	29,990	29,990					-	29,990	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp hệ đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ đường Trường Chinh đến đường Trần Nhân Tông) thành phố Nam Định	21/NQ-HĐND (17/7/21)	28,300	28,300					-	28,300	-	1
	- Xây dựng công trình kìn hóa tuyến thoát nước kênh Gia đoạn từ đường Phạm Ngũ Lão đến đường Trần Huy Liệu, phường Mỹ Xá, Thành phố Nam Định	22/NQ-HĐND (17/7/21)	122,500	122,500					-	122,500	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng trụ sở thành ủy - HĐND - UBND thành phố Nam Định	TB119 (27/7/2020)	510,000	510,000					-	294,058	-	1
	- Xây dựng, cải tạo quảng trường Hòa Bình thành phố Nam Định	255/TB-UBND (09/11/21)	80,000	80,000					-	80,000	-	1
3	Hỗ trợ địa phương có đất bị thu hồi											-
II	HUYỆN MỸ LỘC	-	797,617	789,706	-	122,981	122,981	263,814	260,402	680,386	62,648	15
1	Dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung		480,682	480,270	-	-	-	86,774	86,362	375,108	20,000	8
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn		112,265	111,863	-	-	-	86,764	86,362	25,501	20,000	1
	- Xây dựng khu đô thị trấn Mỹ Lộc, huyện Mỹ Lộc	316 (17/02/2016) 1677 (15/8/2016) 2002 (14/9/2018) 1280 (28/5/20)	112,265	111,863				86,764	86,362	25,501	20,000	1
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn		139,167	139,157	-	-	-	10	-	139,157	-	3
	- Xây dựng khu dân cư tập trung tại xóm 5, xã Mỹ Hưng, huyện Mỹ Lộc	1908 (01/9/21)	29,167	29,157				10	-	29,157	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc	TB69 (07/5/21)	15,000	15,000				-	-	15,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Thôn An Cổ xã Mỹ Thành, huyện Mỹ Lộc	TB204 (18/10/21)	95,000	95,000					-	95,000	-	1
d	Các công trình khởi công mới		229,250	229,250	-	-	-	-	-	210,450	-	4
	- Xây dựng Khu dân cư tập trung xóm 3, xã Mỹ Trung, huyện Mỹ Lộc	TB247 (16/11/21)	35,000	35,000					-	35,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung thị trấn Mỹ Lộc		118,800	118,800					-	100,000	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bỏ trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Mỹ Hà, huyện Mỹ Lộc (giai đoạn 2)		45,450	45,450					-	45,450	-	1
	- Khu dân cư tập trung thôn Liễu Nha - Tam Đoài 1 xã Mỹ Phúc		30,000	30,000					-	30,000	-	1
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư		316,935	309,436		122,981	122,981	117,503	114,503	189,348	11,741	7
<i>a</i>	<i>Các công trình đã quyết toán</i>		<i>128,566</i>	<i>128,566</i>		<i>122,981</i>	<i>122,981</i>	<i>113,240</i>	<i>113,240</i>	<i>9,741</i>	<i>9,741</i>	2
<i>a.1</i>	<i>Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021</i>		<i>128,566</i>	<i>128,566</i>		<i>122,981</i>	<i>122,981</i>	<i>113,240</i>	<i>113,240</i>	<i>9,741</i>	<i>9,741</i>	2
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thịnh - Thắng huyện Mỹ Lộc	1246 (07/6/17)	113,571	113,571	2410 (30/10/19)	109,414	109,414	99,764	99,764	9,650	9,650	1
	- Cải tạo, mở rộng khuôn viên trụ sở Huyện ủy - HĐND - UBND huyện Mỹ Lộc	2411 (30/10/18)	14,995	14,995	15 (06/01/21)	13,567	13,567	13,476	13,476	91	91	1
<i>b</i>	<i>Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn</i>		<i>14,999</i>	<i>7,500</i>		-	-	<i>4,263</i>	<i>1,263</i>	<i>6,237</i>	<i>2,000</i>	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Đại lộ Thiên Trường vào UBND xã Mỹ Thắng, huyện Mỹ Lộc	2972 (27/12/19)	14,999	7,500				4,263	1,263	6,237	2,000	1
<i>d</i>	<i>Các công trình khởi công mới</i>		<i>173,370</i>	<i>173,370</i>		-	-	-	-	<i>173,370</i>	-	4
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường đê Át Hơi, huyện Mỹ Lộc (Đoạn từ QL21 tại Km134+963 đến đê La xã Mỹ Tiến)	2062 (24/9/21)	80,576	80,576					-	80,576	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thăng Hà, huyện Mỹ Lộc	2044 (23/9/21)	62,794	62,794					-	62,794	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thịnh Khánh, huyện Mỹ Lộc	2113 (01/10/21)	15,000	15,000					-	15,000	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hưng Lộc, huyện Mỹ Lộc (đoạn từ QL21 chợ Đàng qua UBND xã Mỹ Hưng đến cầu Đưa đi thị trấn Mỹ Lộc và tuyến nhánh)	TB170 (15/9/21)	15,000	15,000					-	15,000	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho huyện, xã							59,537	59,537	115,930	30,907	-
III	HUYỆN Ý Yên		1,732,053	1,529,638		39,846	19,923	332,163	324,659	862,935	10,485	29
1	Dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung		649,119	649,119		-	-	92,830	92,830	552,082	-	22

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư					Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)			Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)				
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn	-	116,092	116,092	-	-	-	92,830	92,830	19,055	-	2			
	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Lâm, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định	88 (13/01/16)	106,764	106,764				84,385	84,385	18,172	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung phía Đông trạm Y tế xã Yên Hồng, huyện Ý Yên	2226 (11/10/18)	9,328	9,328				8,445	8,445	883	-	1			
	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn	-	119,327	119,327	-	-	-	-	-	119,327	-	7			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Chính, huyện Ý Yên	2764 (06/12/18)	32,786	32,786				-	-	32,786	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phương, huyện Ý Yên	10206 (30/12/20)	9,994	9,994					-	9,994	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Dương, huyện Ý Yên	2052 (06/5/20)	9,814	9,814					-	9,814	-	1			
	- Xây dựng hạ tầng điểm dân cư thôn Thọ Cách, xã Yên Thọ, huyện Ý Yên	1063 (05/2/21)	8,597	8,597					-	8,597	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Nghĩa	4141 (30/5/19)	9,894	9,894					-	9,894	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Yên Tiến	7388 (09/10/18)	7,253	7,253					-	7,253	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung phía Bắc thôn An Lộc Thượng, xã Yên Hồng, huyện Ý Yên	2305 (26/10/21)	40,989	40,989				-	-	40,989	-	1			
d	Các công trình khởi công mới	-	413,700	413,700	-	-	-	-	-	413,700	-	13			
	- Khu dân cư tập trung thị trấn Lâm		48,000	48,000					-	48,000	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Cường		41,000	41,000					-	41,000	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Bằng		53,000	53,000					-	53,000	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phú		31,000	31,000					-	31,000	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Lương		35,000	35,000					-	35,000	-	1			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn <i>lãng phí</i> chưa thu hồi)			Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Thắng		29,000	29,000					-	29,000	-	1	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Khánh		29,200	29,200					-	29,200	-	1	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Tân		12,000	12,000					-	12,000	-	1	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Hồng		12,000	12,000					-	12,000	-	1	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phương 2		28,500	28,500					-	28,500	-	1	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Dương 2		12,000	12,000					-	12,000	-	1	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Mỹ		35,000	35,000					-	35,000	-	1	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Yên Phong		48,000	48,000					-	48,000	-	1	1	
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư	-	1,082,933	880,519	-	39,846	19,923	206,533	199,029	252,142	6,500	7	7	
a	Các công trình đã quyết toán	-	41,093	20,547	-	39,846	19,923	18,350	16,000	3,923	-	1	1	
a.2	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn	-	41,093	20,547	-	39,846	19,923	18,350	16,000	3,923	-	1	1	
	- Công hóa mặt đất bồi sông Đáy xã Yên Tri, Yên Đồng và Yên Nhân, huyện Yên Yên	3011 (25/12/17)	41,093	20,547	2994 (30/12/19)	39,846	19,923	18,350	16,000	3,923	-	1	1	
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn	-	292,388	287,870	-	-	-	164,243	160,529	127,341	6,000	3	3	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Cát Đằng đến thị trấn Lâm (Quốc lộ 38B) huyện Yên Yên, tỉnh Nam Định	1153 (26/5/17)	25,928	25,928				18,950	18,950	6,978	-	1	1	
	- Cải tạo, nâng cấp đường Thành - Xã, huyện Yên Yên, tỉnh Nam Định	2834 (08/12/16) 1633 (03/8/18) 629 (29/3/19)	121,246	116,728				101,693	97,979	18,749	-	1	1	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Lương - Tri, huyện Yên Yên	2275 (17/10/18) 1171 (20/5/20)	145,215	145,215				43,600	43,600	101,615	6,000	1	1	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn vay tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn		320,728	143,378	-	-	-	23,940	22,500	120,878	500	2
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Chính - Phong, huyện Ý Yên	1131 (01/6/18) 2910 (19/12/18)	40,500	28,350				23,740	22,500	5,850	500	1
	- Xây dựng tuyến đường huyện nối từ đê Tả Dầy đến đường 57B huyện Ý Yên (NSƯT) đã bố trí trong KH trung hạn là 50 tỷ đồng; phần còn lại là 230 tỷ đồng thì NS tỉnh tập trung dự kiến hỗ trợ khoảng 50% là 115 tỷ đồng; tiền thu từ đầu giá đất trên địa bàn huyện và các nguồn vốn hợp pháp khác bố trí khoảng 50% là 115,228 tỷ đồng)	1755 (21/7/20) 2370 (02/11/21)	280,228	115,028				200	-	115,028	-	1
d	Các công trình khởi công mới		428,724	428,724	-	-	-	-	-	-	-	1
	- Xây dựng tuyến đường trục huyện nối từ QL38B với QL10, huyện Ý Yên	TB10 (31/10/17)	428,724	428,724				-	-	-	-	1
3	Bổ sung có mục tiêu cho huyện, xã											-
IV	HUYỆN VỤ BÀN		2,887,377	2,875,467	-	163,715	155,715	401,662	32,800	58,711	3,985	57
1	Dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung	-	2,231,789	2,231,789	-	134,124	134,124	187,938	390,663	2,986,518	219,436	45
a	Các công trình đã quyết toán		146,647	146,647	-	134,124	134,124	95,037	95,037	39,087	38,979	5
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		35,366	35,366	-	32,979	32,979	-	-	32,979	32,979	4
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư tập trung xã Tân Thành, huyện Vụ Bàn	1095 (28/5/2019)	14,093	14,093	1030 (13/5/21)	12,645	12,645	-	-	12,645	12,645	1
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư tập trung xã Đại An, huyện Vụ Bàn	41 (5/1/2019)	14,007	14,007	1208 (13/5/21)	13,572	13,572	-	-	13,572	13,572	1
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng điểm dân cư nông thôn xã Hiến Khánh, huyện Vụ Bàn	599 (26/3/2019)	6,090	6,090	82/QĐ-STC (22/4/21) 100/QĐ-STC (04/6/21)	5,650	5,650	-	-	5,650	5,650	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư					Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)			Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)				
	- Xây dựng hạ tầng điểm đầu giá quyền sử dụng đất dân cư khu vực Đại Giai xóm Trung Cấp, xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản	3564/QĐ-UBND (29/10/20)	1,176	1,176	200/QĐ-UBND (29/01/21)	1,112	1,112	-	-	1,112	1,112	1			
a.2	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn		111,281	111,281		101,145	101,145	95,037	95,037	6,108	6,000	1			
	- Xây dựng hạ tầng đô thị thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản	334 (17/02/17)	111,281	111,281	2063 (24/9/21)	101,145	101,145	95,037	95,037	6,108	6,000	1			
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn		115,928	115,928	-	-	-	92,901	92,901	23,027	2,000	1			
	- Xây dựng hạ tầng khu dân cư tập trung Thành Lợi	2326 (17/10/2017) 538 (22/3/19) 717 (05/4/21)	115,928	115,928				92,901	92,901	23,027	2,000	1			
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn		133,969	133,969	-	-	-	-	-	133,969	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trung Thành, huyện Vụ Bản	696 (02/4/19)	133,969	133,969				-	-	133,969	-	1			
d	Các công trình khởi công mới		1,835,245	1,835,245	-	-	-	-	-	1,762,250	-	38			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Tam Thanh, huyện Vụ Bản	TBI 68 (15/9/21)	134,865	134,865					-	134,865	-	1			
	- Khu dân cư tập trung thị trấn Gôi, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		133,650	133,650					-	133,650	-	1			
	- Khu dân cư tập trung xã Kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		135,000	135,000					-	135,000	-	1			
	- Khu dân cư tập trung xã Đại An huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		28,000	28,000				-	-	28,000	-	1			
	- Khu dân cư tập trung xã Đại Thắng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (khu Điện Biên)		40,500	40,500					-	40,500	-	1			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Khu dân cư tập trung Sau Trường, thôn Tiến Hội xã Quang Trung huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Khu xóm Tiến + Hội 2)		40,500	40,500					-	40,500	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hợp Hưng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Đồng Thuận Khả Chính, đồng Sông Đồng Lạc)		40,500	40,500					-	40,500	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Cộng Hòa huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Khu Bối Thượng)		67,500	67,500					-	67,500	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Đại An huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Khu Đại Đế)		20,250	20,250					-	20,250	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Tân Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Khu Đồng Cối)		33,750	33,750					-	33,750	-	1
	- Khu dân cư tập trung xóm Bến, Trại tại xã Thành Lợi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Cánh đồng Cốc 1)		40,500	40,500					-	40,500	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Minh Thuận huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Cửa Đường Thôn Phú Lão)		67,500	67,500					-	67,500	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Liên Bảo huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Đắc Lực)		40,500	40,500					-	40,500	-	1
	- Diện dân cư tập trung Xóm Cầu xã kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Cửa Tước xóm Cầu) (đất xen kẹt giữa các KDC nên không mở rộng được diện tích)		12,285	12,285					-	12,285	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Liên Minh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Đội 1 xóm Thượng)		67,500	67,500					-	67,500	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Vĩnh Hào huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Khu Trại Hàng, Thôn Tiên Hào)		67,500	67,500					-	67,500	-	1
	- Khu dân cư tập trung Tổ dân phố Tây Cối Sơn Thị trấn Gôi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		19,035	19,035					-	19,035	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bổ tri đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ionic trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Khu dân cư tập trung An Hưng xã Đại An huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (thôn An Hưng)		29,565	29,565					-	29,565	-	1
	- Khu dân cư tập trung Hậu Xá xã Hợp Hưng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (làng Nội Chè)		33,750	33,750					-	33,750	-	1
	- Khu dân cư tập trung Ngõ Ngay xã Thành Lợi huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Rộc Nam, Đồng Cát)		54,000	54,000					-	54,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung Vườn Hề, Ao Quan, Mía quan xã Trung Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Chùa, Quế, Nhì)		55,350	55,350					-	55,350	-	1
	- Khu dân cư tập trung Đồng Cốc, sau Chính xã Trung Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Chính)		27,000	27,000					-	27,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung Chấm Cá Tân Khánh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Chấm Cá)		40,500	40,500					-	40,500	-	1
	- Khu dân cư tập trung Tây Trung Đồng xã Minh Thuận huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Phú Lão)		60,750	60,750					-	60,750	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Liên Bảo huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định (Thôn Trinh Xuyên)		40,500	40,500					-	40,500	-	1
	- Khu dân cư tập trung Đồng Ngách xóm 1 xã Kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		20,250	20,250					-	20,250	-	1
	- Khu dân cư tập trung Xóm Pheo xã Kim Thái huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		20,250	20,250					-	20,250	-	1
	- Khu dân cư tập trung Mía Vũ, Hà Kiệu(Thôn Hà) xã Minh Tân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		40,500	40,500					-	40,500	-	1
	- Khu dân cư tập trung Cầu Địa, Đồng Trúc - Liên Xương xã hiện Khánh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		67,500	67,500					-	67,500	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bỏ trị đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Khu dân cư tập trung xã Đại Thắng huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		40,500	40,500					-	32,200	-	1
	- Khu dân cư tập trung Làng 1 xã Quang Trung huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		24,300	24,300					-	19,300	-	1
	- Khu dân cư tập trung khu Đồng Lại xã Tân Thành huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		67,500	67,500					-	53,700	-	1
	- Khu dân cư tập trung khu Bắc làng Đồng Lương xã Tân Khánh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		13,500	13,500					-	10,700	-	1
	- Khu dân cư tập trung khu Đồng Ngoại Dư Duệ xã Tam Thanh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		54,000	54,000					-	43,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung Tứ Giáp xã Liên Minh huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		40,500	40,500					-	32,200	-	1
	- Khu dân cư tập trung khu Đồng Cầu thôn Hoàng xã Minh Tân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		33,750	33,750					-	26,700	-	1
	- Khu dân cư tập trung thôn Thiện Vịnh xã Công Hòa huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		67,500	67,500					-	53,700	-	1
	- Khu dân cư tập trung thôn Mỹ Côi Thị trấn gò huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định		14,445	14,445					-	11,500	-	1
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư	-	655,588	643,678	-	29,591	21,591	186,812	175,812	616,911	99,427	12
a	Các công trình đã quyết toán	-	29,899	21,989	-	29,591	21,591	18,604	10,604	10,987	10,987	2
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021	-	29,899	21,989	-	29,591	21,591	18,604	10,604	10,987	10,987	2
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Vĩnh Hảo - Yên Lương	3062 (27/12/17)	14,900	9,990	2561 (18/11/19)	14,763	9,763	10,300	5,300	4,463	4,463	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Cải tạo, nâng cấp đường Hiền Khánh - Minh Thuận huyện Vụ Bản	2854 (14/12/18) 1598 (05/08/19)	14,999	11,999	2564 (18/11/19)	14,828	11,828	8,304	5,304	6,524	6,524	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn		250,946	249,946	-	-	-	152,705	151,705	98,241	44,118	3
	- Xây dựng, nâng cấp đường nối QL21 đi QL38B đến Tỉnh lộ 486B, huyện Vụ Bản	2467 (31/10/16) 716 (05/04/21)	120,351	120,351				107,000	107,000	13,351	7,500	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Cầu Hồ - Hạnh Lâm huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	1143 (04/6/18) 715 (05/04/21)	115,604	115,604				39,982	39,982	75,622	31,212	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Trung Thành - Cộng Hòa huyện Vụ Bản	1704 (14/8/19)	14,991	13,991				5,723	4,723	9,268	5,406	1
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn	-	275,743	272,743	-	-	-	15,503	13,503	259,240	44,322	6
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nối từ đường Hùng Vương đến đê bồi Đồng Tâm phục vụ cứu hộ, cứu nạn và phòng chống lụt bão thuộc địa phận xã Đại Thắng, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	233 (03/02/20)	19,992	18,992				5,000	4,000	14,992	2,000	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn Rừng Dừa xã Tân Thành, huyện Vụ Bản	1115 (13/01/20) 1082 (07/5/20) 1149 (01/6/21)	14,993	13,993				4,000	3,000	10,993	7,000	1
	- Xây dựng tuyến đường Khá Chính - Bãi Xuyên kéo dài, huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định	1542 (30/6/20)	54,998	54,998				6,503	6,503	48,495	13,000	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	-Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Tân Khánh - Liên Bảo, huyện Vụ Bản.	1686 (14/7/20)	155,771	155,771					-	155,771	10,000	1
	- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường trục xã Hợp Hưng, huyện Vụ Bản	1015 (11/5/21)	14,999	13,999					-	13,999	9,000	1
	- Cải tạo, nâng cấp kênh T5-2b và T5-2b-3 thuộc hệ thống thủy nông Vụ Bản	2376 (03/11/21)	14,990	14,990					-	14,990	3,322	1
d	Các công trình khởi công mới		99,000	99,000	-	-	-	-	-	248,443	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Hiến Khánh - Tân Khánh, huyện Vụ Bản	TB226 (09/11/21)	99,000	99,000					-	99,000	-	1
	- Các công trình KCM phục vụ các mục tiêu phát triển KTXX của huyện trong giai đoạn 2022-2025									149,443		
3	Bổ sung có mục tiêu cho huyện, xã								26,912	411,274	79,030	-
V	HUYỆN NAM TRỰC	-	1,299,394	1,246,885	-	58,309	50,949	54,133	51,833	1,094,145	219,612	39
1	Dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung	-	804,376	804,376	-	29,619	29,619	13,699	13,699	651,340	108,921	28
a	Các công trình đã quyết toán		31,957	31,957	-	29,619	29,619	-	-	29,619	29,619	2
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		31,957	31,957	-	29,619	29,619	-	-	29,619	29,619	2
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Tiến, huyện Nam Trực	2069 (24/9/2018)	29,500	29,500	2116 (01/10/21)	27,162	27,162	-	-	27,162	27,162	1
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng để tổ chức đầu tư đất khu vực thôn Chính Trang xã Nam Thái, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định	1712/QĐ-UBND (11/6/19)	2,457	2,457	2571/QĐ-UBND (24/11/20)	2,457	2,457	-	-	2,457	2,457	1
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn		14,983	14,983	-	-	-	13,699	13,699	1,284	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Dương	1556 (26/7/2018) 239 (04/02/2020)	14,983	14,983				13,699	13,699	1,284	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn		130,929	130,929	-	-	-	-	-	130,929	79,302	2
	- Xây dựng khu dân cư tập trung (phía Nam) trụ sở UBND xã Nam Dương và san lấp mặt bằng để xây dựng TT văn hóa thể thao, huyện Nam Trực	2055 (20/9/2018) 150 (18/01/21)	116,251	116,251				-	-	116,251	79,302	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Tân Thịnh, huyện Nam Trực	206 (23/01/2019) 2611 (27/10/20)	14,678	14,678				-	-	14,678	-	1
d	Các công trình khởi công mới		626,507	626,507	-	-	-	-	-	489,507	-	23
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Hồng, huyện Nam Trực	1433 (07/7/21)	27,816	27,816				-	-	27,816	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Cường, huyện Nam Trực	08/NQ-HĐND (18/3/21)	49,800	49,800				-	-	49,800	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Đồng Sơn, huyện Nam Trực	10/NQ-HĐND (18/3/21)	19,990	19,990				-	-	19,990	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thắng, huyện Nam Trực	09/NQ-HĐND (18/3/21)	24,990	24,990				-	-	24,990	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Hải, huyện Nam Trực	TB227 (09/11/21)	28,000	28,000				-	-	28,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Thái, huyện Nam Trực	TB243 (16/11/21)	20,000	20,000				-	-	20,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Bình Minh	358-TB/TU (18/11/21)	15,000	15,000				-	-	15,000	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Khu dân cư tập trung Nội Bôi xã Hồng Quang	358-TB/TU (18/11/21)	10,000	10,000					-	10,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đò Quan, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực	358-TB/TU (18/11/21)	19,000	19,000					-	19,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đại An, xã Nam Thắng, huyện Nam Trực	358-TB/TU (18/11/21)	35,000	35,000					-	20,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Lợi, huyện Nam Trực	358-TB/TU (18/11/21)	28,000	28,000					-	28,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Nam Quang xã Hồng Quang, huyện Nam Trực	358-TB/TU (18/11/21)	28,000	28,000					-	22,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư phía Đông sông Châu Thành xã Nam Cường		35,000	35,000					-	24,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung Tây Lạc, xã Đồng Sơn		120,000	120,000					-	53,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Nam Toàn		55,000	55,000					-	31,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung Xóm 17, xã Nghĩa An		28,000	28,000					-	22,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung Cổ Giã, xã Nam Tiến		40,000	40,000					-	32,000	-	1
	Khu dân cư tập trung thôn Xối Trĩ xã Nam Thanh		15,000	15,000					-	15,000	-	1
	- Xây dựng cơ sở hạ tầng để dẫn giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở khu vực ao Lân Tuyền, xóm Đại Thắng, xã Nam Mỹ		2,079	2,079				-	-	2,079	-	1
	- Xây dựng hạ tầng điểm dân cư tập trung thôn Lạc Chính, xã Nam Tiến		6,983	6,983				-	-	6,983	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng khu dân cư xóm Hồng Thượng, xã Nam Hồng		5.500	5.500					-	5.500	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Nam Hoa		9.999	9.999					-	9.999	-	1
	- Điện dân cư cạnh khu dân cư Nam Dương I		3.350	3.350					-	3.350	-	1
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư	-	495,017	442,509		28,690	21,330	32,534	30,234	335,979	67,946	11
a	Các công trình đã quyết toán		29,115	21,620		28,690	21,330	10,234	10,234	11,096	9,736	2
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		14,125	14,125		13,970	13,970	10,234	10,234	3,736	3,736	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Nam Toàn, huyện Nam Trực	33 (09/01/18) 2539 (14/11/19)	14,125	14,125	2885 (20/12/19)		13,970	10,234	10,234	3,736	3,736	1
a.2	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn	-	14,990	7,495		14,720	7,360	-	-	7,360	6,000	1
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở Huyện ủy, nhà văn hóa huyện Nam Trực	776 (06/4/21)	14,990	7,495	1652 (05/8/21)		7,360	-	-	7,360	6,000	1
c	Các công trình chuyển nộp còn thiếu vốn	-	341,896	296,883	-	-	-	22,300	20,000	276,883	58,210	6
	- Cải tạo, nâng cấp đường An Thắng, huyện Nam Trực	1399 (16/9/20) 2308 (27/10/21)	161,990	161,990				10,000	10,000	151,990	37,000	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải huyện Nam Trực (Đoạn từ đường Vàng đến cầu Gai)	2370 (26/10/18) 2463 (12/11/21)	75,036	37,518				12,300	10,000	27,518	10,000	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Triền Minh, huyện Nam Trực	2610 (27/10/20)	14,915	14,915				-	-	14,915	5,210	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)			Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)				
	- Xây dựng cầu và đường nối khu dân cư tập trung thôn Nội với đường trục xã Nam Thanh, huyện Nam Trực	151 (18/01/21)	4,969	4,969				-	-	4,969	1,000	1			
	- Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND huyện Nam Trực	106 (14/01/21)	14,990	7,495				-	-	7,495	4,000	1			
	- Cải tạo, nâng cấp đường An Quang, huyện Nam Trực	1127 (28/5/21)	69,996	69,996				-	-	69,996	1,000	1			
d	Các công trình khởi công mới		124,006	124,006	-	-	-	-	-	48,000	-	3			
	- Xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao huyện Nam Trực	1679 (09/8/21)	49,940	49,940				-	-	15,000		1			
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thái Hải, huyện Nam Trực	2243 (18/10/21)	61,990	61,990				-	-	20,924		1			
	- Xây dựng cầu Đứa, xã Hồng Quang, huyện Nam Trực	2426 (09/11/21)	12,076	12,076				-	-	12,076		1			
3	Bổ sung có mục tiêu cho huyện, xã							7,900	7,900	106,826	42,745	-			
VI	HUYỆN TRỰC NINH	-	1,518,814	1,463,444	-	-	-	155,736	155,736	1,915,736	32,500	42			
1	Dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung	-	1,145,270	1,145,270	-	-	-	89,139	89,139	1,056,132	-	27			
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn	-	14,994	14,994	-	-	-	-	-	14,994	-	1			
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trực Đại, huyện Trực Ninh	1405 (05/7/19)	14,994	14,994				-	-	14,994	-	1			
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn		160,319	160,319	-	-	-	89,139	89,139	71,181	-	2			
	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Cổ Lễ huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định	2612 (08/12/15) 1245 (25/5/20)	106,000	106,000				89,139	89,139	16,861	-	1			

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải ngân 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Thái, huyện Trục Ninh	414 (02/3/20) 2437 (10/11/21)	54,319	54,319						54,319		1
d	Các công trình khởi công mới		969,957	969,957						969,957		24
	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Cát Thành, huyện Trục Ninh	48/NQ-HĐND (25/10/21)	64,800	64,800						64,800		1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Hùng, huyện Trục Ninh	476 (04/3/21)	49,157	49,157						49,157		1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Đạo, huyện Trục Ninh	TB244 (16/11/21)	40,000	40,000						40,000		1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Nội, huyện Trục Ninh	TB245 (16/11/21)	30,000	30,000						30,000		1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung, xóm Đoài 2 - xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh	TB246 (16/11/21)	20,000	20,000						20,000		1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Ninh Cường, huyện Trục Ninh		75,000	75,000						75,000		1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung tổ dân phố Nghi Nam, thị trấn Ninh Cường, huyện Trục Ninh		14,500	14,500						14,500		1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Phương Định, huyện Trục Ninh		50,000	50,000						50,000		1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Tuấn, huyện Trục Ninh		60,000	60,000						60,000		1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Nam Tiến, xã Việt Hùng, huyện Trục Ninh		15,000	15,000						15,000		1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đồng Sóng, xã Phương Định, huyện Trục Ninh		14,000	14,000						14,000		1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bỏ trị đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 5 xã Trục Nội, huyện Trục Ninh		90,000	90,000					-	90,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Thắng, huyện Trục Ninh		28,000	28,000					-	28,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung và thương mại dịch vụ (hỗn hợp) xã Trục Đông		180,500	180,500					-	180,500	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 1,2, xã Trục Đông, huyện Trục Ninh		30,000	30,000					-	30,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 7 xã Trục Khang		18,000	18,000					-	18,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Dịch Diệp xã Trục Chính		36,000	36,000					-	36,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Liêm Hải, huyện Trục Ninh		18,000	18,000					-	18,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm 10, xã Trục Tuấn, huyện Trục Ninh		27,000	27,000					-	27,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Hưng, huyện Trục Ninh		14,000	14,000					-	14,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xóm Khang Ninh xã Trục Cường, huyện Trục Ninh		14,000	14,000					-	14,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Mỹ, huyện Trục Ninh		20,000	20,000					-	20,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Thuận, huyện Trục Ninh		32,000	32,000					-	32,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Trục Thanh, huyện Trục Ninh		30,000	30,000					-	30,000	-	1
2	Các công trình tính quyết định đầu tư	-	373,544	318,174	-	-	-	50,000	50,000	515,763	29,000	15

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn		208,676	208,676	-	-	-	50,000	50,000	158,676	29,000	5
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Khang - Thuận, huyện Trục Ninh	395 (02/3/17) 169 (20/01/21)	68,716	68,716				50,000	50,000	18,716	-	1
	- Kiên cố hóa kênh Hải Ninh, Hải Ninh 21, Hải Ninh 23, kênh CC5 thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh	1372 (30/6/21)	59,990	59,990				-	-	59,990	10,000	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Cổ Lễ - Trung Đông (đoạn từ QL21 đến cầu Điện Biên và tuyến nhánh)	1641 (04/8/21)	14,990	14,990				-	-	14,990	5,000	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường trục xã Trục Cường (đoạn từ cầu Múc đến cầu sông Sè)	1686 (10/8/21)	14,990	14,990				-	-	14,990	-	1
	- Xây dựng Trường mầm non thị trấn Cổ Lễ, huyện Trục Ninh	2141 (05/10/21)	49,990	49,990				-	-	49,990	14,000	1
d	Các công trình khởi công mới		164,868	109,498	-	-	-	-	-	357,087	-	10
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trục Đại - Trục Thái, huyện Trục Ninh	2560 (18/11/19)	55,783	55,783				-	-	55,783	-	1
	- Xây dựng 12 phòng học 3 tầng (06 phòng bộ môn, 06 phòng lý thuyết) và các hạng mục phụ trợ Trường THCS xã Trục Đại, huyện Trục Ninh	1771 (19/8/21)	14,985	14,985				-	-	14,985	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường TL488B, huyện Trục Ninh (đoạn từ QL21 Ngắt Kéo xã Liêm Hải đến đê sông Ninh Cơ thị trấn Cát Thành)	25/NQ-HĐND (17/7/21)	79,100	23,730				-	-	23,730	-	1
	- Xây dựng trụ sở Đảng ủy - UBND - UBND, hội trường nhà văn hóa xã Trục Đại, huyện Trục Ninh	1415 (06/7/21)	15,000	15,000				-	-	15,000	-	1
	- Xây dựng tuyến đường trục thị trấn Cát Thành 1,4km (từ vòng xuyến Nội thị đến sông Ninh Cơ)									62,589		1
	- Xây dựng đường liên xã thị trấn Ninh Cường - Trục Hùng									70,000		1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bản các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Thắng									50,000		1
	- Cải tạo, nâng cấp đường liên xã Liêm Hải- Trục Tuấn- Cát thành									30,000		1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam Ninh Hải (Đoạn từ công Chéo Trục Thanh đến QL37B)									20,000		1
	- Xây mới cầu Thái - Hưng									15,000		1
3	Bổ sung có mục tiêu cho huyện, xã							16,597	16,597	343,842	3,500	-
VII	HUYỆN XUÂN TRƯỞNG	-	800,724	800,724	-	14,421	14,421	149,080	149,080	1,096,742	-	43
I	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung	-	648,591	648,591	-	-	-	34,390	34,390	614,201	-	18
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn		49,421	49,421	-	-	-	34,390	34,390	15,031	-	1
	- Xây dựng khu đô thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường (Dự án quyết toán thành phần)	2594 (04/12/15) 957 (04/5/17) 1794 (23/8/18)	49,421	49,421				34,390	34,390	15,031	-	1
d	Các công trình khởi công mới		599,170	599,170	-	-	-	-	-	599,170	-	17
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Vinh, huyện Xuân Trường	TB232 (10/11/21)	26,000	26,000						26,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Hồng, huyện Xuân Trường	TB230 (09/11/21)	32,000	32,000						32,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường	TB229 (09/11/21)	56,000	56,000						56,000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường	TB231 (10/11/21)	19,300	19,300						19,300	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tính trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải ngân 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung tổ 18, thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường		12,220	12,220						12,220	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung tổ 16, thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường		102,180	102,180						102,180	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Bắc		22,000	22,000						22,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Đài		22,220	22,220						22,220	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Ninh		13,200	13,200						13,200	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Phú		33,000	33,000						33,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Thành		14,300	14,300						14,300	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Thương		13,200	13,200						13,200	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Thủy		14,300	14,300						14,300	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Tiến		22,000	22,000						22,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Thọ Nghiệp		55,000	55,000						55,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Ngọc		110,000	110,000						110,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Xuân Kiên		32,450	32,450						32,450	-	1
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư	-	152,133	152,133	-	14,421	14,421	114,690	114,690	289,529	-	25
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn	-	114,607	114,607	-	14,421	14,421	94,690	94,690	19,808	-	7
	- Xây dựng Nhà 3 tầng 12 phòng học và các hạng mục phụ trợ Trường tiểu học A Xuân Trường, huyện Xuân Trường	2435 (21/10/18)	9,758	9,758				8,779	8,779	979	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Xuân Trường, huyện Xuân Trường	2467 (31/10/17) 2371 (26/10/18)	14,531	14,531	1083 (24/5/19)	14,421	14,418	14,418	14,418	3	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp nhà khách UBND huyện Xuân Trường	1531 (25/7/19)	4,362	4,362			4,000	4,000	4,000	362	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp Nhà Văn Hóa trung tâm huyện Xuân Trường	2002 (19/9/19)	14,326	14,326			13,644	13,644	13,644	682	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường trục huyện đoạn từ cầu phao cũ Lạc Quân đến nút giao Quốc lộ 21	2361 (24/10/19)	19,962	19,962			18,300	18,300	18,300	1,662	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Phú - Đài đoạn từ tỉnh lộ 489 đến huyện lộ Bắc - Phong - Đài, huyện Xuân Trường	1472 (16/7/19)	36,860	36,860			21,549	21,549	21,549	15,311	-	1
	- Xây dựng mới 16 phòng học, nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học xã Xuân Phương, huyện Xuân Trường	1094 (07/5/20)	14,808	14,808			14,000	14,000	14,000	808	-	1
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn	-	22,526	22,526	-	-	20,000	20,000	20,000	2,526	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Xuân Thủy - Nam Diễn đoạn từ nút giao tỉnh lộ 489C mới đến UBND xã Xuân Trung, huyện Xuân Trường	88 (10/01/20)	22,526	22,526			20,000	20,000	20,000	2,526	-	1
d	Các công trình khởi công mới		15,000	15,000	-	-	-	-	-	267,195	-	17
	- Cải tạo, sửa chữa tuyến đường đô thị từ nút giao QL21 (Cầu Lạc Quân) đến Thị trấn huyện Xuân Trường	TB191 (08/10/21)	15,000	15,000			-	-	-	15,000	-	1
	- Cải tạo, sửa chữa tuyến đường đô thị từ nút giao đầu cầu Lạc Quân đến Trung tâm huyện Xuân Trường									13,000	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp hệ thống đường, hệ thống rãnh thoát nước khu trung tâm huyện									38,695	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Lũy kế vốn đã bổ trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)			Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)				
	- Trường trung học cơ sở thị trấn Xuân Trường									25,000		1			1
	- Xây dựng mới trường mầm non xã Xuân Phương									23,000		1			1
	- Xây dựng Trường THCS và các hạng mục phụ trợ xã Xuân Trung									14,500		1			1
	- Xây dựng Trường THCS xã Xuân Vinh									14,500		1			1
	- Xây dựng trường Tiểu học Xuân Hồng:									14,500		1			1
	- Trường Trung học cơ sở xã Thọ Nghiệp									14,500		1			1
	- Trường Trung học cơ sở xã Xuân Ngọc									14,500		1			1
	- Trường Mầm non xã Xuân Kiên									13,000		1			1
	- Trường Tiểu học xã Xuân Tiến.									13,000		1			1
	- Trường Tiểu học xã Xuân Phú và các hạng mục phụ trợ									12,000		1			1
	- Trường Tiểu học xã Xuân Đài									12,000		1			1
	- Trường mầm non xã Xuân Thành									10,000		1			1
	- Trường Tiểu học xã Xuân Ninh									10,000		1			1
	- Nhà Văn hóa xã Xuân Bắc									10,000		1			1
3	Bổ sung có mục tiêu cho huyện, xã									193,012	-	-			-
VIII	HUYỆN GIAO THỦY	-	1,951,287	1,943,837	-	126,344	119,156	208,205	204,745	2,107,982	7,821	28			28
1	Dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung		1,181,667	1,181,667	-	74,856	74,856	74,698	74,698	1,104,185	464	19			19
a	Các công trình đã quyết toán	-	77,946	77,946	-	74,856	74,856	74,698	74,698	464	464	1			1
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021		77,946	77,946		74,856	74,856	74,698	74,698	464	464	1			1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải ngân 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng khu đô thị thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy	1320 (27/6/16) 1990 (30/8/17) 1246 (17/6/19) 2467 (06/11/19)	77.946	77.946	2336 (21/9/20)	74.856	74.856	74.698	74.698	464	464	1
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn		29.801	29.801	-	-	-	-	-	29.801	-	3
	- Xây dựng khu dân cư xóm 4 xã Hoàng Sơn		9.843	9.843						9.843	-	1
	- Xây dựng khu dân cư xóm 14 xã Hoàng Sơn		9.994	9.994						9.994	-	1
	- Xây dựng khu dân cư xã Giao An		9.964	9.964						9.964	-	1
d	Các công trình khởi công mới		1.073.920	1.073.920	-	-	-	-	-	1.073.920	-	15
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hoàng Sơn, huyện Giao Thủy	71/NQ-HĐND (08/12/20)	84.000	84.000						84.000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hồng Thuận, huyện Giao Thủy	13/NQ-HĐND (18/3/21)	125.960	125.960						125.960	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Tiến, huyện Giao Thủy	14/NQ-HĐND (18/3/21)	127.940	127.940						127.940	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung Nam sông Hồng, xã Giao Thiện, huyện Giao Thủy	TB175 (21/9/21)	120.000	120.000						120.000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Long, huyện Giao Thủy	TB228 (09/11/21)	85.000	85.000						85.000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Phong, huyện Giao Thủy	TB240 (16/11/21)	90.000	90.000						90.000	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Thịnh, huyện Giao Thủy	TB238 (16/11/21)	52.500	52.500						52.500	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)			Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)		
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Tân, huyện Giao Thủy	TB242 (16/11/21)	40,000	40,000						40,000	-	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Châu, huyện Giao Thủy	TB241 (16/11/21)	58,000	58,000						58,000	-	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Giao Hải, huyện Giao Thủy	TB239 (16/11/21)	45,000	45,000						45,000	-	1	
	- Khu dân cư tập trung xã Bạch Long		68,400	68,400						68,400	-	1	
	- Khu dân cư tập trung xã Giao Xuân		82,560	82,560						82,560	-	1	
	- Khu dân cư tập trung xóm 4 xã Giao An		25,200	25,200						25,200	-	1	
	- Khu dân cư tập trung số 2 xóm 14, xã Hoàng Sơn		35,040	35,040						35,040	-	1	
	- Khu dân cư tập trung xóm Duyên Trường		34,320	34,320						34,320	-	1	
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư	-	769,620	762,170	-	51,488	44,300	133,507	130,047	631,103	7,357	9	
a	Các công trình đã quyết toán	-	52,826	45,376	-	51,488	44,300	40,460	37,000	7,356	7,357	4	
a.1	Các công trình đã quyết toán và thanh toán hết trong kế hoạch năm 2021	-	37,926	37,926	-	36,900	36,900	29,600	29,600	7,356	7,357	3	
	- Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy	2413 (31/10/18)	14,990	14,990	1707 (11/8/21)	14,774	14,774	11,500	11,500	3,274	3,274	1	
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường phòng chống lụt bão xã Hồng Thuận huyện Giao Thủy	88 (15/01/18) 1142 (03/6/19)	14,996	14,996	1046 (14/5/21)	14,715	14,715	14,600	14,600	171	171	1	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)			Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)			
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường nội thị trấn Ngô Đồng đoạn từ nút giao Tỉnh lộ 489 (Km24+100) đến đê sông Hồng	2421 (31/10/19)	7,940	7,940	114/QĐ-STC (20/7/21)	7,411	7,411	3,500	3,500	3,911	3,911	1		
a.2	Các công trình đã quyết toán còn thiếu vốn	-	14,900	7,450	-	14,588	7,400	10,860	7,400	-	-	1		
	- Cải tạo, nâng cấp tuyến đường phòng chống lụt bão xã Giao Thiện huyện Giao Thủy	2462 (31/10/17)	14,900	7,450	1647 (10/7/20)	14,588	7,400	10,860	7,400	-	-	1		
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn		105,796	105,796	-	-	-	91,200	91,200	14,596	14,596	1		
	- Cải tạo, nâng cấp đường Tiến - Thịnh huyện Giao Thủy	556 (20/3/17) 988 (24/4/20)	105,796	105,796				91,200	91,200	14,596	14,596	1		
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn		10,998	10,998	-	-	-	1,847	1,847	9,151	9,151	1		
	- Xây dựng mới nhà 3 tầng và các hạng mục phụ trợ Trường mầm non thị trấn Ngô Đồng, huyện Giao Thủy	2493 (08/10/20)	10,998	10,998				1,847	1,847	9,151	9,151	1		
d	Các công trình khởi công mới		600,000	600,000	-	-	-	-	-	600,000	600,000	3		
	- Xây dựng tuyến đường Thiện Lâm; huyện Giao Thủy đoạn từ TL488 xã Giao Hải đến TL481 Thị trấn Quất Lâm		230,000	230,000				-	-	230,000	230,000	1		
	- Xây dựng tuyến đường trục huyện Giao Thủy đoạn từ Cống Cỏ Nhì xã Hồng Thuận đến tuyến đường bộ ven biển xã Giao Thiện		270,000	270,000						270,000	270,000	1		
	- Cải tạo, nâng cấp đường Lạc Lâm, huyện Giao Thủy (đoạn Cồn Nhắt - Chơ Vọng)		100,000	100,000						100,000	100,000	1		
3	Bổ sung có mục tiêu cho huyện, xã								-	372,694	372,694			
IX	HUYỆN NGHĨA HƯNG	-	731,808	589,508	-	84,595	84,372	121,007	78,484	1,240,081	1,240,081	24		
1	Dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung		495,844	495,844	-	-	-	-	-	495,844	495,844	16		
	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn		114,669	114,669	-	-	-	-	-	114,669	114,669	8		

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bỏ trị đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thôn Đào Thượng, huyện Nghĩa Hưng	1853 (04/9/19) 524 (12/3/20) 1948 (09/9/21)	49,618	49,618		-			-	49,618	-	1
	- khu dân cư tập trung xã Nghĩa Thịnh	3697/QĐ-UBND (25/10/19)	9,986	9,986					-	9,986	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã xóm 10 Nghĩa Trung	5256/QĐ-UBND (18/10/18)	9,993	9,993					-	9,993	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Lạc	3296/QĐ-UBND (09/9/20)	7,326	7,326					-	7,326	-	1
	- Khu dân cư tập trung đội 9 xã Nghĩa Phong	3150/QĐ-UBND (26/8/19)	8,961	8,961					-	8,961	-	1
	- Khu dân cư tập trung xóm 5 xã Nghĩa Tân	5262/QĐ-UBND (22/10/18)	8,950	8,950					-	8,950	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Hải	5291/QĐ-UBND (24/10/18)	9,998	9,998					-	9,998	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Nghĩa Sơn	2519/QĐ-UBND (29/4/21)	9,837	9,837					-	9,837	-	1
<i>d</i>	<i>Các công trình khởi công mới</i>		<i>381,175</i>	<i>381,175</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>381,175</i>	<i>-</i>	<i>8</i>
	- Xây dựng khu dân cư tập trung thị trấn Quỳ Nhất, huyện Nghĩa Hưng	392 (23/02/21) 2378 (03/11/21)	51,464	51,464					-	51,464	-	1
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Phúc Thắng, huyện Nghĩa Hưng	TB176 (21/9/18)	140,000	140,000					-	140,000	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)			Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)		
	- Xây dựng đường tránh QL 37B												1
	- Xây dựng đường trục xã Hoàng Nam												1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Lâm Hùng huyện Nghĩa Hưng												1
	- Cải tạo, nâng cấp trung tâm GDNN-GDTX huyện Nghĩa Hưng												1
	- Xây dựng trụ sở Đảng ủy hội đồng nhân dân ủy ban nhân dân xã nghĩa thịnh huyện nghĩa hưng												1
3	Bổ sung có mục tiêu cho huyện, xã							15,444	15,444	297,695	-	-	-
X	HUYỆN HẢI HẬU	-	1.961.538	1.959.276	-	-	-	241.247	238.985	2.373.429	37,311	40	
1	Dự án đầu xây dựng hạ tầng khu đô thị, khu (điểm) dân cư tập trung	-	1.221.964	1.221.964	-	-	-	41.485	41.485	1.180.479	7,204	22	
b	Các công trình hoàn thành chưa quyết toán còn thiếu vốn		71,164	71,164	-	-	-	41,485	41,485	29,679	7,204	2	
c	- Xây dựng khu đô thị Yên Định và khu dân cư tập trung Hải Hưng	701/QĐ-UBND (31/3/2016) 444/QĐ-UBND (28/02/2018) 1501/QĐ-UBND (22/7/19)	62.204	62.204				41,485	41,485	20,719	-	1	
	- Xây dựng khu dân cư tập trung xã Hải Lý, huyện Hải Hậu	7234/QĐ-UBND (31/12/2019) của UBND huyện	8,960	8,960				-	-	8,960	7,204	1	
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn	-	290,640	290,640	-	-	-	-	-	290,640	-	2	

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021 - 2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Xây dựng khu dân cư thương mại xã Hải Thanh, huyện Hải Hậu	2323 (22/10/18) 2270 (14/9/20)	61,838	61,838				-	-	61,838	-	1
	- Xây dựng khu đô thị thương mại Cổn - Văn Lý	2352 (25/10/18) 2276 (15/9/20)	228,802	228,802				-	-	228,802	-	1
d	Các công trình khởi công mới		860,160	860,160		-	-	-	-	860,160	-	18
	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Hải Hưng, huyện Hải Hậu	47/NQ-HĐND (25/10/21)	138,400	138,400				-	-	138,400	-	1
	- Xây dựng khu tái định cư và khu dân cư tập trung xã Hải Xuân, huyện Hải Hậu	23/NQ-HĐND (17/7/2021)	56,760	56,760				-	-	56,760	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Giang		20,000	20,000				-	-	20,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Chính		25,000	25,000				-	-	25,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Lộc		70,000	70,000				-	-	70,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Ninh		55,000	55,000				-	-	55,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Phương		50,000	50,000				-	-	50,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Quang		50,000	50,000				-	-	50,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Sơn		50,000	50,000				-	-	50,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Bắc		50,000	50,000				-	-	50,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xóm Tây Cát Hải Lý		10,000	10,000				-	-	10,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Châu		30,000	30,000				-	-	30,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Đông		50,000	50,000				-	-	50,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Nam		25,000	25,000				-	-	25,000	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lấy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giải đoạn 2021 - 2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố (*)		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Khu dân cư tập trung xóm 7 xã Hải Vân		20,000	20,000					-	20,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Anh		10,000	10,000					-	10,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Tây		80,000	80,000					-	80,000	-	1
	- Khu dân cư tập trung xã Hải Phong		70,000	70,000					-	70,000	-	1
2	Các công trình tỉnh quyết định đầu tư		739,575	737,312	-	-	-	154,762	152,500	715,770	13,715	18
c	Các công trình chuyển tiếp còn thiếu vốn	-	557,464	555,201	-	-	-	154,762	152,500	402,701	13,715	9
	- Cải tạo, nâng cấp đường Trung Hòa, huyện Hải Hậu (Giai đoạn III)	1911 (04/8/2020)	49,986	49,986				30,000	30,000	19,986	8,500	1
	- Tu bổ, tôn tạo di tích Dền - Chùa xã Hạ, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu	1292 (21/6/18) 2629 (29/10/20)	13,663	12,963				700	-	12,963	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ cầu Yên Định đến cầu Mộng Chè xã Hải Trung, huyện Hải Hậu	1753 (21/7/20)	8,984	8,984				8,000	8,000	984	-	1
	- Xây dựng cầu 19 tháng 5 thị trấn Yên Định, huyện Hải Hậu	2364 (22/9/20)	8,769	8,769				8,000	8,000	769	-	1
	- Xây dựng cầu Bốn Nhuận xóm 12 xã Hải Anh, huyện Hải Hậu	2365 (22/9/20)	9,000	9,000				8,000	8,000	1,000	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường từ xóm 4, xã Hải Bắc, huyện Hải Hậu đi xã Xuân Ninh, huyện Xuân Trường	2366 (22/9/20)	14,995	14,995				10,500	10,500	4,495	-	1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Nam - Đông huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định	378 (27/02/17) 831 (19/4/21)	83,480	83,480				70,000	70,000	13,480	-	1
	- Xây dựng đường trục trung tâm huyện Hải Hậu (Giai đoạn I)	2795 (13/12/19)	315,632	315,632				5,000	5,000	310,632	-	1

TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư			Quyết định quyết toán			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2020 (Không bao gồm vốn tăng trước chưa thu hồi)		Dự kiến phân bổ giai đoạn 2021-2025 từ nguồn thu tiền sử dụng đất trên địa bàn các huyện, thành phố		Số dự án
		Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Số quyết định, ngày tháng năm ban hành	Giá trị quyết toán	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số (Tất cả các nguồn)	Trong đó: Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	Tổng số	Trong đó: KH năm 2021 đã giao (tính đến tháng 11/2021)	
	- Cải tạo, nâng cấp đường Tây sông Múc, huyện Hải Hậu (đoạn từ xã Hải Bắc đến xã Hải Trung; đoạn từ cầu Liên Thuận, xã Hải Xuân đến cầu Xuân Hương, xã Hải Hòa)	2116 (25/8/20)	52,954	51,392				14,562	13,000	38,392	5,215	1
d	Các công trình khởi công mới		182,111	182,111						313,069		9
	- Xây dựng đường trục trung tâm huyện Hải Hậu (Giai đoạn 2)	2795 (13/12/19)	122,221	122,221						122,221		1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Long - Sơn, huyện Hải Hậu	24/NQ-HĐND (17/7/21)	29,990	29,990						29,990		1
	- Cải tạo, nâng cấp đường Phú - Ninh, huyện Hải Hậu	50/NQ-HĐND (25/10/21)	29,900	29,900						29,900		1
	- Cải tạo nâng cấp đường Nam Trung đoạn từ xã Hải Bắc đi Hải Nam									25,000		1
	- Cải tạo nâng cấp đường đoạn từ xã Hải Xuân đến xã Hải Cường									30,000		1
	- Xây mới cầu Hải Đường (Cầu qua UBND xã Hải Đường)									10,000		1
	- Xây mới cầu Thống Đường (xã Hải Tân) qua kênh Múc									12,000		1
	- Xây dựng kè kênh mức 2 đoạn từ xã Hải Long đi Hải Cường									40,396		1
	- Cải tạo, nâng cấp các công trình khu trung tâm huyện Hải Hậu									13,562		1
3	Bổ sung có mục tiêu cho huyện, xã							45,000	45,000	477,180	16,392	

Chú thích (*): Đã bao gồm các khoản thu từ khu đất giao cho nhà đầu tư để thực hiện dự án trên địa bàn các huyện, thành phố; Không bao gồm vốn từ nguồn thu tiền sử dụng đất khi giao đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo kế hoạch hàng năm được UBND tỉnh phê duyệt cho các tổ chức, cá nhân (trừ các khu đất đã được đầu tư hạ tầng hoặc có kế hoạch đầu tư hạ tầng); thu tiền sử dụng đất khi công nhận quyền sử dụng đất cho các hộ đã sử dụng đất

Phụ lục V

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN TẠM DỪNG BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 56/2021/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Lấy kế vốn bố trí từ KC đến hết KH năm 2021 (không bao gồm vốn tăng ứng trước chưa thu hồi)				Vốn thiếu so với TMĐT hoặc giá trị quyết toán đến 31/10/2021				Số dự án
		Tổng mức đầu tư			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán			Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tỉnh	NSTW		Tổng số	NS tỉnh	NSTW	NS tỉnh	NSTW								
	TỔNG SỐ		1,361,430	400,737	948,024	-	184,019	99,732	84,287	789,165	284,648	495,169	60,845	60,395	-	20		
1	- Nhà truyền thống Công an tỉnh Nam Định	161 (17/10/06) 1430 (9/7/07)	4,672	562	4,110					4,110	-	4,110	562	562	-	1		
2	- Trụ sở Công an phường Trần Quang Khải	3191 (18/10/05)	1,571	171	1,400					1,450	50	1,400	121	121	-	1		
3	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp một số hạng mục trụ sở làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Nam Định	1757 (25/8/10)	6,147	6,147						3,610	3,610	-	2,537	2,537	-	1		
4	- Xây dựng nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ Trường THPT C Nghĩa Hưng, huyện Nghĩa Hưng	2323 (19/10/16)	8,500	8,500						7,730	7,730	-	770	770	-	1		
5	- Xây dựng Nhà tập đa năng, nhà công vụ giáo viên và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Văn Lan, huyện Mỹ Lộc	2273 (30/10/15)	13,048	13,048		1476 (16/7/19)	11,763	11,763		12,500	12,500	-	548	548	-	1		
6	- Cải tạo, nâng cấp đường Võ Tinh - Văn Lai huyện Trực Ninh (đoạn từ cầu Võ Tinh đến UBND xã Phương Định)	2306 (18/10/16) 382 (09/02/18)	14,669	14,669						14,260	14,260	-	409	409	-	1		
7	- Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư xã Giao Long, huyện Giao Thủy	423 (29/3/13) 2575 (02/12/15)	15,155	11,752						5,033	1,630	-	10,122	10,122	-	1		
8	- Nạo vét, kiến cổ hóa sông Sinh (đoạn qua xã Yên Bình), huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (Dự án đã quyết toán khối lượng công việc hoàn thành)	2456 (31/10/16)	36,145	36,145	3044 (27/12/18)		35,191	35,191		35,191	35,191	-	954	954	-	1		
9	- Cải tạo, nâng cấp đường vào KCN dệt may Rang Đông và phòng chống lụt bão, cứu hộ, cứu nạn huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định	1912 (28/9/15)	50,872	50,872	2901 (14/12/16)		33,742	33,742		33,742	33,742	-	17,130	17,130	-	1		

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư				Quyết định quyết toán				Lấy kế vốn bổ từ KC đến hết KH năm 2021 (không bao gồm vốn ứng trước chưa thu hồi)				Vốn thiếu so với TMDT hoặc giá trị quyết toán đến 31/10/2021			Số dự án
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NS tính		Trong đó: NSTW	Tổng số		NS tính	Trong đó: NSTW		Tổng số	NS tính	Trong đó: NSTW			
10	- Xây dựng Trung tâm y tế huyện Xuân Trường	2670 (13/11/09) 1097 (14/7/11)	14,923	8,036	6,371	1624 (23/9/11)	8,881	2,510	6,371	10,687	3,800	6,371	4,236	-	1		
11	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng huyện Trực Ninh	2416 (21/10/09)	13,611	8,493	5,118	1892 (28/10/11)	7,768	2,650	5,118	8,868	3,750	5,118	4,743	-	1		
12	- Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế dự phòng huyện Giao Thủy	2155 (02/10/09)	11,406	6,299	5,107	1542 (15/10/12)	5,205	98	5,107	6,562	1,455	5,107	4,844	-	1		
13	- Xây dựng Trung tâm y tế huyện Hải Hậu	1817 (25/8/09)	14,156	7,929	6,227	1876 (28/10/11)	7,372	1,145	6,227	8,927	2,700	6,227	5,229	-	1		
14	- Xây dựng Trung tâm y tế huyện Vụ Bản	2954 (09/12/09) 768 (20/5/11)	16,242	8,583	7,550	1894 (28/10/11) 1543 (15/10/12)	10,920	3,370	7,550	12,612	4,953	7,550	3,630	-	1		
15	- Xây dựng Trung tâm y tế huyện Mỹ Lộc	1628 (10/8/10) 1711 (12/10/11)	15,390	8,772	6,026	1875 (28/10/11)	10,289	4,263	6,026	12,518	5,900	6,026	2,872	-	1		
16	- Cải tạo, nâng cấp khuôn viên trước cửa trụ sở Huyện ủy - UBND huyện Vụ Bản tỉnh Nam Định	1951 (16/9/16)	10,751	2,702						5,328	600	-	450	-	1		
17	- Cải tạo, nâng cấp một số đoạn để xung yếu trên tuyến đé ta Ninh Cơ thuộc huyện Xuân Trường và huyện Hải Hậu	1194 (22/7/11); 1845 (28/10/11)	70,201	14,601	55,600	2032 (06/9/17)	52,888	5,000	47,888	52,887	5,000	47,887	-	-	1		
18	- Xây dựng, cải tạo, nâng cấp bệnh viện đa khoa huyện Nghĩa Hưng	525 (13/3/08) 1470 (30/7/08); 1245 (28/7/11)	50,515	-	50,515					50,515	-	50,515	-	-	1		
19	- Khu văn hóa Trần	252 (12/10/05)	990,000	190,000	800,000					502,335	147,477	354,858	-	-	1		
20	- Xây dựng Đồn Công an khu công nghiệp Hòa Xá (GP II)	1641 (27/9/11)	3,456	3,456						300	300	-	1,688	-	1		